

NHỮNG CHUYỆN KỂ
VỀ TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC
HỒ CHÍ MINH

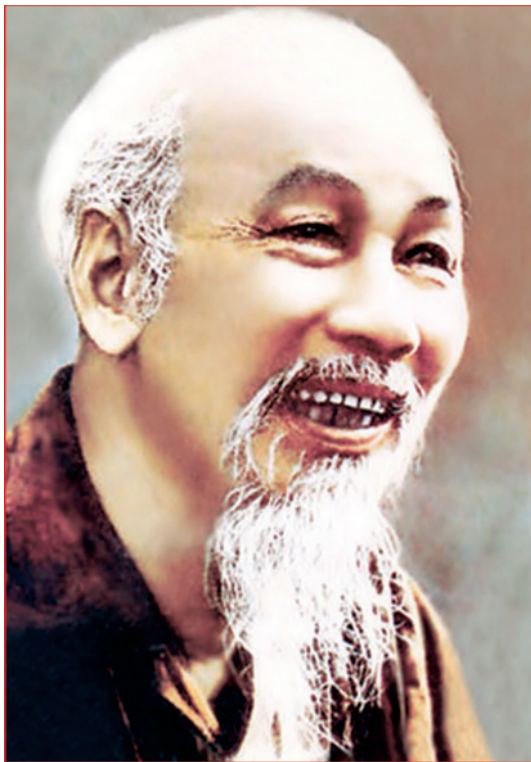
Tập 2

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN TUYÊN GIÁO

**NHỮNG CHUYỆN KỂ
VỀ TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC
HỒ CHÍ MINH**

Tập 2

Nha xuất bản Văn hóa - Văn nghệ
TP. Hồ Chí Minh 2013



Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.
Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc.
Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.
Thiếu một mùa, thì không thành trời.
Thiếu một phương, thì không thành đất.
Thiếu một đức, thì không thành người.

LỜI GIỚI THIỆU

Bác Hồ đó, chiếc áo nâu giản dị
Màu quê hương bên bãi đậm đà
Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút...

Tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam; học tập và làm theo Người chính là phát huy những giá trị to lớn ấy để mỗi người và xã hội ngày càng tốt đẹp hơn, góp phần xây dựng đất nước ta “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo Chỉ thị 03-CT/TW, ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Bộ Chính trị đặt ra, yêu cầu nâng cao nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân; tự giác tu dưỡng, rèn luyện nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân; làm cho việc học tập tấm gương đạo đức Bác Hồ trở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu bền và là trách nhiệm, tình cảm, lợi ích thiết thân của mỗi chúng ta.

Để góp phần nhỏ vào công việc to lớn đó, kỷ niệm 122 năm Ngày sinh Bác Hồ kính yêu và biểu dương tập thể, cá nhân thực hiện tốt học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh của Thành phố năm 2012, Ban Tuyên giáo Thành ủy đã sưu tầm, biên tập, phát hành cuốn “Những chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” tập 1.

Năm nay, nhân kỷ niệm 123 năm Ngày sinh của Bác (19-5-1890 - 19-5-2013), Ban Tuyên giáo Thành ủy tiếp tục sưu tầm, biên tập và phát hành tập sách “Những chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” tập 2, nhằm cung cấp thêm tư liệu giúp tìm hiểu về Bác và về những chiến sĩ cách mạng, về cán bộ, đảng viên, nhân dân thành phố đã noi gương làm theo Người.

Xin trân trọng giới thiệu tập 2, mong rằng tập sách sẽ mang đến nhiều điều hữu ích cho các đồng chí và các bạn, nhất là triển khai chuyên đề: “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về phong cách quần chúng, dân chủ, nêu gương; nêu cao trách nhiệm gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp” trong việc đẩy mạnh nghiên cứu, kể chuyện học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tại đơn vị.

Chúng tôi sẽ tiếp tục sưu tầm, biên soạn các tập tiếp theo về các tập thể, cá nhân thực hiện tốt học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Mong nhận được sự góp ý của các đồng chí và các bạn.

BAN TUYÊN GIÁO THÀNH ỦY

Phần I

**TAM GÖÔNG ÑAÖ ÑÖC
HÖ CHÍ MINH**

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng

Từ những ngày đầu hoạt động, Bác đã dày công dạy cho cán bộ nhận thức được sâu sắc rằng: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Vì thế cho nên, khi ở Liên Xô về Trung Quốc, cuối năm 1924, Bác đã tìm mọi cách liên lạc, đưa thanh niên ta sang Quảng Châu mở lớp đào tạo những hạt giống cho cách mạng. Trong số những người học trò đầu tiên của Bác lúc bấy giờ có đồng chí Trần Phú, sau này trở thành Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng ta. Thời kỳ Bác đi công tác Côn Minh - Hồ Khẩu, thời gian rất ngắn, công việc lại nhiều, nhưng tối đến Bác vẫn triệu tập anh em đến giảng giải về công tác cách mạng, về nhiệm vụ của người đảng viên.

Khi về Pác Bó, có điều kiện hơn ở ngoài nước, nhiều lớp huấn luyện chính trị và quân sự được Bác liên tiếp mở

ra thu hút rất nhiều cán bộ ta. Mỗi lớp như thế thường được mở trong tuần hay mười hôm. Bác đào tạo, huấn luyện anh em rồi trả họ về cơ sở, rèn luyện họ trong thực tiễn cách mạng.

Đối với Bác, một hạt giống tốt không thể tự nó lớn lên và chết dần mà phải làm cho nó nảy nở ra trăm ngàn hạt giống khác. Lớp học lúc bấy giờ cũng rất đơn giản, không bàn không ghế. Mấy anh em ngồi chung quanh đồng lửa vừa được sưởi ấm vừa được nghe Bác nói chuyện. Những câu chuyện Bác nói thường là những câu chuyện thực trong đời sống hàng ngày, hay trong cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô...*

Một lần, có một số anh em bàn riêng với nhau chuẩn bị giết tên tổng đoàn - (tên này rất ác, sau hắn giết anh Kim Đồng) - Trong một buổi huấn luyện, Bác đem đọc cho mọi người nghe đoạn nói về tả khuynh và ám sát cá nhân trong cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô*. Đọc xong Bác giải thích:

- Ám sát cá nhân không phải là đường lối cách mạng chân chính. Nhất là khi ta chưa nắm được chính quyền, chủ trương ám sát cá nhân là một điều hết sức sai lầm. Thường đây là những cái cớ để bọn đế quốc tìm cách tăng cường đàn áp cách mạng. Mục tiêu của ta là tiêu diệt bọn đế quốc, bọn phong kiến thống trị chứ không phải giết một thằng là xong. Hôm nay chúng ta giết thằng này, ngày mai chúng lại đưa thằng khác lên. Chủ trương đúng đắn nhất của những người

cách mạng chân chính là biết cách tổ chức quần chúng lại thành một khối thống nhất, vững chắc, đấu tranh tiêu diệt cả chế độ của chúng.

Mấy anh em ngồi nhìn nhau, không hiểu làm sao Bác lại biết được ý của họ. Nhưng cũng từ đó, anh em nhận thức thêm được một vấn đề mà từ trước còn mờ昧, còn nhầm lẫn đúng sai. Cứ qua thực tế như vậy Bác đã đem ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin rọi vào trí óc non nớt và thơ ngây của chúng tôi, giúp chúng tôi đi những bước vững chắc trong công tác cách mạng.

Lúc bấy giờ, Hội nghị Trung ương lần thứ tám chưa họp, nhưng Bác đã lập ra những hội cứu quốc: Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc. Bác giải thích:

- Chúng ta muốn có một đội võ trang mạnh, trước hết phải có một đội quân tuyên truyền mạnh, đội quân chính trị vững.

Bác lấy một đoạn trong cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô* nói cho chúng tôi nghe. Khi Cách mạng tháng Hai lật đổ Nga hoàng, bọn Kerenxki nắm chính quyền, Lênin chủ trương phải đi giải thích cho quần chúng rõ. Lênin nhấn mạnh: Giải thích và giải thích. Muốn giải thích phải có đội quân chính trị. Nói xong Bác kết luận:

- Ở nước ta hiện nay, muốn đánh Pháp, đuổi Nhật thì ai là người vác súng, ai là người tự giác, tự nguyện đứng dậy làm cách mạng. Đó là quảng đại quần chúng. Cho nên ta

phải tuyên truyền vận động quần chúng. Có như vậy cách mạng mới thắng được.

Bác đề nghị chúng tôi làm thế nào giáo dục quần chúng để trong một thời gian ngắn ta có được một phong trào chống Pháp đuổi Nhật như ngọn thủy triều dâng lên ở các địa phương.

Trong công tác cũng như trong khi giảng dạy ở các lớp huấn luyện, Bác chú trọng đặc biệt đến cách tuyên truyền vận động quần chúng. Bác thường nói:

- Chúng ta ở rất bí mật. Nhưng đó là bí mật với tụi tổng đoàn, với bọn mật thám, bọn Tây, bọn thống trị chứ không phải bí mật với nhân dân.

Bác còn yêu cầu lấy quần chúng làm bình phong bảo vệ và che chở cho cách mạng. Muốn được như thế, cán bộ không được làm điều gì trái với ý quần chúng, trái với phong tục tập quán địa phương. Có những phong tục tốt, cần giữ lại. Cũng có nhiều phong tục tập quán không tốt, cần phải thay đổi. Nhưng không phải tự ý cán bộ thay đổi ngay một lúc mà phải vận động từ từ để quần chúng giác ngộ và tự cải cách lấy.

Nguồn "Những truyện kể về tinh thần đoàn kết của Bác Hồ", NXB Lao động, Phan Tuyết - Bích Diệp (sưu tầm - tuyển chọn).

Còn dân, còn nước

Năm 1945, sau khi nhân dân ta giành được độc lập, theo kế hoạch giải giáp quân đội Nhật đã đầu hàng, quân đội Tưởng lốc nhốc vào nước ta, đứng chân ở nhiều tỉnh lỵ, từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc.

Bác Hồ và Chính phủ đã chỉ thị phải hợp tác thành thật với họ, tránh khiêu khích để sinh ra lộn xộn, xung đột.

Tuy chỉ thị đã ban hành, nhưng Bác “sợ” vẫn chưa chắc chắn, nên Bác đã triệu tập một số chủ tịch tỉnh, thị xã Phú Thọ, Vĩnh Yên, Phú Yên, Bắc Giang, Sơn Tây, Lạng Sơn, cả Hà Nội vào Bắc Bộ phủ.

Các đại biểu được dịp báo cáo với Bác những hành vi ngang ngược, cướp của, tống tiền, dung túng cho bọn Việt Cách, Việt Quốc làm bậy, âm mưu lật đổ chính quyền, chiếm đóng một số nơi.

Bác nói:

- Họ nhân danh Đồng Minh vào nước ta tước vũ khí quân đội Nhật. Nếu ta để xảy ra chuyện gì đó, họ sẽ lấy cớ làm khó dễ cho ta...

Đại biểu Vĩnh Yên thưa:

- Thưa Bác, ta thì muốn hữu nghị hợp tác nhưng họ lại muốn cướp đất của ta...

Không thấy ai phát biểu nữa, Bác nói:

- Các chú có thấy dân ta theo họ, hợp tác với họ không? Nếu dân ta không đứng về phía họ - thì ta dù có tạm thời không giữ được một ít nơi, nhưng vẫn không mất nước. Vì còn Dân thì còn Nước. Dân là gốc của Nước. Các chú phải làm sao để Dân tin tưởng vào Chính phủ, nghe lời Chính phủ, tuân theo chỉ thị của Trung ương. Chú nào làm sai, phải chịu kỷ luật... Chú nào có ý kiến gì không? Bác dừng nói, chờ. Không thấy ai “có ý kiến” nữa, Bác “tuyên bố”: Giải tán hội nghị.

Nguồn: “Những truyện kể về tinh thần đoàn kết của Bác Hồ”, NXB Lao động, Phan Tuyết - Bích Diệp (sưu tầm - tuyển chọn)

Ứng xử của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Bảo Đại

Thái độ ứng xử của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Vĩnh Thụy (Bảo Đại) là một thí dụ điển hình cho tấm lòng khoan dung độ lượng, sức thuyết phục cảm hóa của Người đối với vị vua cuối cùng của chế độ phong kiến cũ đã bị lật đổ. Ngày 4 tháng 9 năm 1945, Vĩnh Thụy đã ra tới Hà Nội theo lời mời của Người: Ngay lúc 15 giờ, Người đã đến chỗ ông ta để thăm hỏi. Sáng ngày 5 tháng 9 năm 1945, Người đã tiếp ông ta tại Bắc Bộ phủ. Ngày 10 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 23 cử ông Vĩnh Thụy làm Cố vấn Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Từ chỗ lo lắng cho số phận của mình không biết có giống vua Louis XVI ở Pháp hay không, Vĩnh Thụy đã mang ơn sâu nặng đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ông ta đã viết thư về cho mẹ là bà Từ Cung ở Huế với những dòng xúc

động: “Cụ Hồ tốt lắm! Con ra đây được Cụ thương lắm! Cụ thương con như con. Ầ (tức là mẹ - TG) cứ yên tâm, không phải lo chi cho con cả”. Vĩnh Thụy sinh năm 1911, kém Chủ tịch Hồ Chí Minh 21 tuổi; bức thư trên là do ông ta viết, chứ không phải do một người thư ký nào thảo hộ.

Về sau, do những hạn chế giai cấp mà ông không thể vượt qua và sự lôi kéo của thực dân đế quốc, Vĩnh Thụy lại trở về con đường cũ. Ngày 8 tháng 12 năm 1947, Hồ Chí Minh vẫn điềm tĩnh trả lời phỏng vấn của các nhà báo Việt Nam và nước ngoài: “Chính phủ và nhân dân ta rất mong Cố vấn Vĩnh Thụy không có những hành động trái ngược với những lời Cố vấn đã thể trước Tổ quốc và trước đồng bào, trái với nguyện vọng của dân tộc. Dù sao vận mệnh của dân tộc sẽ không vì một người hoặc một nhóm người mà thay đổi”. Thái độ ứng xử ấy như một lời khuyên, một lời cảnh tỉnh đối với Vĩnh Thụy, mặt khác lại khẳng định con đường tất thắng của dân tộc.

Nguồn: “Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh” – GS. Đặng Xuân Kỳ, Nxb Lao động, 2013, tr.228.

Bác Hồ làm ngoại giao

Trong lúc ở trong nước, nhân dân ta đang gấp rút chuẩn bị tiến lên tổng khởi nghĩa, ở Côn Minh, Bác mở “mặt trận ngoại giao”, trước hết với Mỹ. Qua phân tích, Bác thấy rằng, lúc này đang cần phải tranh thủ Mỹ. Lợi dụng kẻ thù này để đánh kẻ thù kia là một trong những kế sách của Bác. Vì vậy, Bác quyết định tiếp tướng Claio Sênôn (C. Chennault), Tư lệnh trưởng Bộ Tư lệnh không quân 14 của Mỹ ở Trung Quốc. Làm việc này, Bác muốn tranh thủ những người có thể tranh thủ. Quan điểm ngoại giao của Bác bao giờ cũng hết sức rõ ràng. Để chuẩn bị cho cuộc tiếp tướng Sênôn, Bác gặp Sácơ Phen (Charles Fell), người phụ tá của Sênôn. Cuộc tiếp xúc đầu tiên giữa Sácơ Phen và Bác được tiến hành vào ngày 17-3-1945. Sau đó, ngày 20-3-1945 Bác và Sácơ Phen gặp nhau lần thứ hai tại hiệu cà phê của gia đình anh Tống Minh Phương ở phố Chinpi, Côn

Minh. Trước khi gặp Sênôn, gia đình anh Phương mua sắm cho Bác chiếc áo lông và đôi giày mới. Cuộc gặp gỡ giữa Bác và tướng Sênôn diễn ra ngày 23-3-1945, tại hành dinh của Sênôn. Sênôn mặc quân phục đại lễ với tất cả các loại huân chương mà ông ta được thưởng. Khi gặp Bác, Sênôn lúng túng vì không có phiên dịch. Bác bảo không cần, rồi nói chuyện với Sênôn bằng tiếng Anh rất lưu loát, làm ông ta hết sức ngạc nhiên. Viên tướng Mỹ cảm ơn Bác và Việt Minh đã cứu thoát, chăm sóc hết sức tử tế viên phi công. Bác nói đây là bốn phận của những người Việt Nam chống phát xít. Họ có thể làm tất cả những gì trong phạm vi khả năng làm được để giúp Đồng Minh. Bác hỏi Sênôn rằng, phi công Sao hiện giờ ở đâu? Sênôn trả lời: “Sao đã lên đường về Mỹ. Trước khi lên máy bay, Sao gửi lời cảm ơn Ngài”, Sênôn trao cho Bác thuốc chữa bệnh và tiền Pháp tặng người Việt Nam vì đã cứu sống phi công của họ. Bác nhận thuốc, hoàn lại tiền. Tướng Sênôn, một con người có bộ mặt rất nghiêm khắc, hiếm thấy nụ cười trên môi ông ta. Vậy mà khi tiếp Bác, ông ta luôn luôn vui vẻ.

Vài ngày sau, viên tướng Mỹ lại xin gặp Bác. Ông ta sai Sácơ Phên đi ô tô đến tận nhà anh Phương để đón Bác. Tới nơi, họ mở cửa lớn đón Bác vào. Tưởng phía Mỹ bàn với Bác chuyện gì, hóa ra họ đề nghị Bác làm việc cho họ. Nói đúng tim đen là họ mua chuộc Bác, vì lúc ấy có lẽ họ chưa biết Bác là Hồ Chí Minh. Sau này, Bác kể lại, Bác đã trả lời bọn chúng, đại ý là: Chúng tôi không phải người đi làm thuê. Chúng tôi là người cách mạng. Chúng tôi đánh

Nhật, Đồng Minh cũng đánh Nhật. Chúng tôi giúp Đồng Minh thì Đồng Minh phải giúp chúng tôi. Chúng ta bình đẳng với nhau. Còn nhiệm vụ cách mạng, chúng tôi cứ làm. Trước những lời lẽ cứng rắn của Bác, họ không dám giở trò mua chuộc nữa, chỉ đề nghị Bác giúp đỡ cho một trạm cấp cứu các phi công Đồng Minh ở Đông Dương khi bị nạn. Bác đồng ý. Tướng Sênôn giao cho Sácơ Phên thực hiện kế hoạch này. Vấn đề chỉ có thể, vậy mà có kẻ xấu đồn rằng Bác bị tình báo Mỹ lợi dụng. Người Mỹ ở Côn Minh mở tiệc chiêu đãi Bác. Trong bữa tiệc, Bác kể tiểu sử của Oasinhtơn (Washington) và Linhcôn (Lincoln), những người có công giải phóng nước Mỹ và giải phóng người nô lệ da đen ở Mỹ. Họ không ngờ rằng, một vị đại diện của Việt Minh lại am hiểu sâu sắc những chính khách của nước Mỹ đến như vậy. Dự tiệc xong, trở về nhà, Bác triệu tập một số bà con Việt kiều có tâm huyết với nước, hiện đang ở Côn Minh lại, nói rõ cho bà con biết vì sao ta lại tạm thời bắt tay với Mỹ? Vấn đề là ở chỗ thu hút lực lượng chống Nhật - Pháp. Bác hỏi ý kiến bà con: Phía Mỹ mời tiệc ta, ta có nên đáp lại không? Bà con đồng thanh nhất trí đáp lại phía Mỹ bằng bữa cơm Việt Nam. Anh Phương và chị Hoa xung phong đứng ra tổ chức bữa tiệc. Hôm sau, mọi người bắt tay vào việc chuẩn bị làm tiệc. Tiệc được tổ chức ngay tại nhà anh Phương. Nhờ những bàn tay khéo léo của các chị, bữa tiệc được tổ chức khá chu đáo. Nhìn các món ăn, Bác bằng lòng lắm, nói vui: “Cơm ta chẳng kém gì cơm tây”. Năm phái viên cao cấp của Mỹ đã đến dự tiệc. Về phía ta, ngoài Bác ra, có khoảng dăm

người, trong đó có anh Phương, chị Hoa. Bác đón tiếp phái đoàn Mỹ hết sức nồng hậu. Do tài ngoại giao khéo léo của Bác, những người Mỹ dự tiệc đều tuyên bố sẵn sàng ủng hộ Việt Minh để đánh Nhật. Tiệc tan, Bác tiễn họ ra tận ô tô, rồi quay trở vào nói với anh em: “Bữa tiệc đã thành công, đạt được mục đích của ta”.

*Nguồn: Hồi ký của đồng chí Hoàng Quốc Việt
trong cuốn “Đường Bác Hồ chúng ta đi”,
Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.*

Sự kính phục của những người đối đầu

Hồ Chí Minh lãnh đạo cả dân tộc đánh bại cả ba đế quốc to cùng với mọi thế lực phản động trong nước, để dân tộc được độc lập, đất nước được thống nhất, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội được rộng mở. Nhưng cũng giống như C. Mác ở thế kỷ XIX, người không có kẻ thù riêng nào. Tất cả các đối thủ của Người đều phải kính nể, cảm phục một con người mà họ không thể khuất phục, không thể đánh bại, và cuối cùng họ đành chấp nhận là người thua cuộc.

Giăng Xanhtơny (Jean Sainteny), đại diện cho Chính phủ Pháp đảm nhiệm việc đàm phán với Chính phủ Hồ Chí Minh trong thời gian 1945 – 1946, đã tìm mọi cách để đè bẹp lực lượng cách mạng Việt Nam, nhằm tái lập ách thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp trên đất nước này. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, ông cũng là người thay mặt

Chính phủ Pháp sang viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội. Con người ấy đã viết về Hồ Chí Minh bằng những lời rất trân trọng trong tập hồi ký *Câu chuyện về một nền hòa bình bị bỏ lỡ*: Hồ Chí Minh – đó là một nhân vật đang phải đối đầu và tôi là người đối thoại trong suốt 16 tháng. Do hiểu biết rộng, thông minh, hoạt động rất tích cực, tuyệt đối không nghĩ tới chuyện riêng tư, ông đã được nhân dân kính yêu, tin tưởng không ai sánh kịp. Rất tiếc là hồi đó Chính phủ Pháp đã đánh giá thấp nhân vật này và đã không hiểu được giá trị cũng như uy lực của ông. Đến cuối đời, Giăng Xanh-ton-y đã phải thú nhận Hồ Chí Minh là người đã đánh đắm cả chế độ thực dân Pháp, nhưng lại vẫn là bạn của nước Pháp.

Trung tá Ôn-ây, thuyền trưởng thông báo hạm Duymông Đuyếcvin, đã chỉ huy con tàu chở Chủ tịch Hồ Chí Minh từ quân cảng Tulông nước Pháp về Việt Nam hồi tháng 9 năm 1946. Trong suốt chuyến đi 45 ngày, được tiếp xúc với Hồ Chí Minh, Ôn-ây đã hoàn toàn bị thuyết phục và hoàn toàn ủng hộ cuộc kháng chiến của Việt Nam. Tháng 11 năm 1946, ông đã từ chối không nhận chức Tư lệnh Hải quân Pháp ở Hải Phòng và xin trở về Pháp, kiên quyết không tham chiến ở Việt Nam. Sau này, khi đã trở thành Thủy sư Đô đốc, ông đã viết trong hồi ký của mình, ca ngợi Hồ Chí Minh là một vị thủ lĩnh có phong cách rất độc đáo, rất thông minh, bình tĩnh, chưa hề thấy ở bất kỳ ai.

Tướng P. Valuy với vai trò chính khách Pháp đã nhiều lần tiếp xúc với Hồ Chí Minh trong năm 1946, thấy rõ thái

độ “hết sức nhã nhặn, hết sức lịch sự và hết sức quyến rũ” của Người. Được thuyết phục bởi phong cách ứng xử của Người, ông đã trở thành người đối thoại rất tâm đắc với Hồ Chí Minh và giữa hai người đã có một “tình hữu nghị keo sơn”.

Thiếu úy Sácơ Phên và thiếu tá Ácsimet Patty là hai sĩ quan của cơ quan tình báo Mỹ OSS đã có dịp gần gũi, tiếp xúc với Hồ Chí Minh thời kỳ 1944 – 1945. Trong thời gian ngắn một năm, Hồ Chí Minh đã để lại cho họ ấn tượng không thể nào quên. Điều đó đã quyết định họ khuyến nghị Chính phủ Mỹ đặt quan hệ với Hồ Chí Minh, đáng tiếc Chính phủ Mỹ đã bỏ qua. Nhưng mối quan hệ giữa Hồ Chí Minh với những người Mỹ này đã trở thành tình bạn ít ai ngờ tới.

Ngày 30 tháng 9 năm 1945, khi rời Việt Nam, A. Patty nhớ mãi lời dặn của Hồ Chí Minh: “Bạn nhớ trở lại Việt Nam. Bạn bao giờ cũng được hoan nghênh”. Tác giả của cuốn *Tại sao Việt Nam?* đã trở lại Việt Nam vào những năm 1985, 1990 với tất cả tấm lòng trân trọng và cảm phục đối với Hồ Chí Minh, một con người hiếm có trên thế gian này.

Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với không biết bao nhiêu người, về quan điểm và đường lối chính trị là rất khác nhau hoặc hoàn toàn đối lập nhau; là bạn có điều kiện hoặc hai bên đứng về hai trận tuyến rõ rệt. Nhưng phong cách ứng xử Hồ Chí Minh đã có sức thuyết phục cảm hóa to lớn để giành được sự đồng tình hoặc chí ít cũng là những nhân nhượng

cần thiết. Thủ tướng Ấn Độ, P. J. Nêru đã thể hiện những tình cảm hết sức chân thành và sâu sắc: “... Thật là một điều hân hạnh được gặp con người vĩ đại và có sức hút mãnh liệt đối với chúng ta. Mặc dầu trong thế giới ngày nay còn có khác biệt và xung đột, nhưng được gặp Bác Hồ, chúng ta thật sung sướng được thấy lòng tốt của con người... Tình bạn, lòng nhân ái sẽ vượt qua tất cả”.

*Nguồn: “Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh” –
GS. Đặng Xuân Kỳ, Nxb Lao động, 2013, tr.230.*

Bác Hồ đối xử với tù binh

Trong năm 1944, biên giới Việt - Trung có nhiều diễn biến phức tạp khi những người Đồng Minh lấy danh nghĩa chống phát xít Nhật cứ ngấp nghé muốn vào nước ta. Họ đã cho người đến Bình Mãng giáp Sóc Trăng thuộc Hà Quảng để quan sát tình hình. Khi các đồng chí địa phương báo cáo lên Bác chuyện này, Bác có nhận xét ngay: Họ muốn vào Việt Nam để nắm tình hình Nhật, nắm tình hình ta. Tóm lại là họ hoạt động tình báo, cho nên phải cảnh giác với họ. Vấn đề là phải từ chối khéo, nhưng lại không mất lòng họ. Bác cử một số cán bộ đến Bình Mãng để tiếp họ. Trong buổi tiếp, quả nhiên họ yêu cầu ta cho họ đặt điện đài trên đất Việt Nam. Các đồng chí ta bày binh bố trận khéo đến nỗi đi đến đâu cũng thấy lực lượng hùng mạnh của Việt Minh và nói rằng lính Nhật đang còn đóng ở biên thù với một lực lượng mạnh, nếu muốn vào Việt Nam phải trang bị cho Việt Minh một số vũ khí lớn, có thể mới bảo vệ được họ. Nghe ta nói vậy, họ “co vùi” không vào nữa.

Đầu năm 1945, Bác lại sang Trung Quốc, với tư cách đại diện Việt Minh liên lạc với Đồng Minh lúc ấy đang có một bộ phận đóng ở Vân Nam. Cùng đi với Bác chuyến này có anh Phùng Thế Tài làm nhiệm vụ bảo vệ, đưa đường và anh Đinh Đại Toàn (tức Đại Minh) làm nhiệm vụ quân vụ. Ngoài ra, còn có viên phi công Mỹ, trung úy Uyliam Sao (William Shaw), người được Việt Minh cứu thoát trong cuộc nhảy dù xuống Cao Bằng, do sự trục trặc của máy bay. Nhân đây, tôi xin nói rõ vài nét về viên phi công và chiếc máy bay: Vào cuối năm 1944, có một chiếc máy bay của lực lượng không quân Mỹ đóng tại Trung Quốc, vượt qua biên giới Trung - Việt, chao lượn trên vùng trời Nước Hai, tỉnh Cao Bằng. Đang bay, bỗng có tiếng động cơ gầm rú rất nặng, có lẽ bị trúng đạn pháo của Nhật. Trong giây lát, chiếc máy bay rơi. Viên phi công, trung úy Sao nhảy thoát ra ngoài. Đồng bào địa phương nhìn rõ máy bay rơi và viên phi công nhảy dù. Họ phân công nhau đi tìm phi công. Cuối cùng, họ đã bắt gặp viên phi công đó. Nhìn dân quân du kích, viên phi công sợ sệt, liền rút tiền, nhẫn vàng ra để dâng. Mọi người lắc đầu, ra hiệu cho anh ta cất vào túi. Họ dẫn viên phi công về trụ sở tòa soạn báo *Việt Nam độc lập*, đóng trong thành nhà Mạc cũ ở vùng rừng Nước Hai. Lúc ấy, anh Phạm Văn Đồng phụ trách cơ quan báo, giao cho tổ của anh Cao Hồng Lĩnh, đưa viên phi công này lên chỗ Bác ở vùng giáp biên giới Việt - Trung. Trong những ngày giải viên phi công đi, anh em chăm sóc anh ta hết sức chu đáo, cho ăn xôi thịt, trong lúc anh em phải ăn cơm nắm chấm muối vừng. Viên

phi công từ chỗ sợ sệt đến chỗ quy phục, thân mật với anh em. Sao đã làm thơ tặng anh em. Khi đến nơi, anh em đưa Sao đến gặp Bác. Anh Linh có lần kể lại với tôi rằng, lúc ấy anh thấy Bác như đang sửa soạn đi đâu vì vai Bác đeo xắc cốt, tay cầm gậy chống. Anh đưa Sao đến trước mặt Bác. Nhìn Sao, Bác tươi cười, bắt tay anh ta, kéo anh ta ngồi xuống cạnh mình và nói chuyện hết sức thân mật:

- Quê anh ở bang nào thuộc nước Mỹ?

Nghe Bác hỏi bằng tiếng Anh rất chuẩn, Sao ngạc nhiên, nở nụ cười rạng rỡ, đáp:

- Thưa ông, tôi ở Tểchdát.

- Anh đã có vợ chưa?

- Thưa ông, tôi đã có vợ.

- Anh có muốn về Mỹ gặp lại vợ không?

- Thưa ông, rất muốn.

- Chúng tôi sẽ trao trả ông cho lực lượng không quân Mỹ tại Trung Quốc.

- Thưa ông, nếu được như vậy quả là niềm vinh hạnh đối với tôi.

Rồi Bác bảo anh em bố trí nơi ăn, chốn ở chu đáo cho anh ta. Khi về chỗ nghỉ, Sao hết lời ca ngợi “ông cụ”, rằng: “Ông ấy nói tiếng Anh nghe rõ quá, lại đối xử với tôi thân mật như cha tôi vậy”. Sau khi gặp Bác, tinh thần của Sao phấn chấn hẳn lên. Mấy hôm sau, Bác bảo các cô gái địa phương

kiếm chỉ thêu chữ “Chúc mừng” (Greeting) trên mảnh lụa trắng tặng Sao. Nhận tặng phẩm, Sao xúc động đến rơi lệ. Anh ta không ngờ tại nơi núi rừng heo hút này lại có người đối xử với anh ta văn minh như thế.

Nói về quân Pháp, sau khi chiếc máy bay rơi, chúng cho quân đến vây khu rừng, cắt tháo chiếc máy bay và truy nã người phi công. Nhật thấy vậy, cũng muốn giành chiếc máy bay đó, đồng thời cảnh cáo Pháp vì đã để phi công trốn thoát, giao hẹn nếu không tìm được, Pháp sẽ phải trả giá đắt. May làm sao, viên phi công đã được cán bộ Việt Minh bảo vệ đưa ra khỏi khu nguy hiểm, giấu trong hang đá, chăm sóc hết sức tử tế, rồi tìm cách đưa sang biên giới.

Bác đưa viên phi công này đi là để bàn giao cho Bộ Tư lệnh không quân Mỹ tại Trung Quốc lúc ấy đóng ở Côn Minh. Hành lý cùng thực phẩm mang theo là chiếc chăn chiên cũ, mỗi người một bộ quần áo để thay, một ống nứa đựng thịt với muối, ớt để “ăn dè”, theo kiểu “lèng” đi đường xa của người Tày, một chiếc ca tráng men. Để phòng xa, Bác còn mang theo một số tiền quan kim, tiền của chính quyền Tưởng Giới Thạch. Đoàn lữ khách chia làm ba tốp, tốp một đi trước dò đường, tốp hai dẫn người phi công và tốp ba đi sau để phòng bị tập kích.

Hôm Bác lên đường, núi non Cao Bằng đẹp hẳn lên vì có ánh nắng ban mai chiếu vào. Anh Đinh Đại Toàn nói rằng, mùa rét mà có nắng sớm kể cũng hiếm thấy. Thường thì ngày đi đêm nghỉ. Nhưng cũng nhiều hôm, ngày nghỉ

đêm đi, vì quân Nhật và quân Pháp dự đoán viên phi công kia có thể đi về phía biên giới Việt - Trung, cho nên chúng tăng cường lùng sục tìm kiếm. Để tránh quân Nhật và quân Pháp đang bủa vây, nhiều khi phải đi vòng vèo. Trong cuộc hành trình nên thơ và bi tráng ấy, trung úy Sao được ăn xôi thịt gà, trong khi đó, Bác và anh em phải ăn cơm nắm với thịt kho mặn. Trung úy Sao được đi ngựa, còn Bác và anh em phải đi bộ. Khi ngủ, Sao được bảo vệ từ xa. Khi vượt qua biên giới Việt - Trung, có người của Tưởng Giới Thạch dẫn đường. Gặp những người dẫn đường khó tính, hoặc tuổi cao, Bác động viên, an ủi họ, nói chuyện hết sức thân tình với họ, biểu họ ít tiền gọi là trả chút công lao. Việc làm có tính chất nghĩa cử của Bác làm họ xúc động. Còn đối với anh em, để giảm bớt nỗi nhọc nhằn trên đường đi, Bác mang chuyện lịch sử nước này ra kể, đọc thơ “Chinh phụ ngâm” để anh em thưởng thức. Bác kể chuyện Hồng quân Trung Quốc trong cuộc vận lý trường chinh từ Hoa Nam lên Hoa Bắc, gian khổ là thế, vậy mà các chiến sĩ vẫn tranh thủ học văn hóa. Người đi trước viết chữ đeo lưng để người đi sau học. Khi hành quân tới Hoa Bắc, số người hy sinh tới quá nửa. Nhưng những người còn lại đã thoát nạn mù chữ. Họ viết thư về nhà báo cho gia đình mình đã đi đến nơi. Những câu chuyện Bác kể dọc đường đã động viên anh em rất nhiều.

Vì đi từng tốp riêng lẻ, khi sang tới bên kia biên giới, tốp đi của Bác và tốp đi của viên phi công mới gặp nhau. Sau 5 ngày cùng đi trên địa phận Trung Hoa, Bác chia tay Sao, vì nhà chức trách Trung Hoa nhận đưa viên phi công đến Côn

Minh để bàn giao cho phía Mỹ. Bác trở lại đi Vân Nam trong khi Sao đi đường khác bằng ngựa, rồi bằng máy bay thẳng tới Côn Minh.

Nguồn: Hồi ký của đồng chí Hoàng Quốc Việt trong cuốn “Đường Bác Hồ chúng ta đi”, Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chuyện về những bữa cơm của Bác Hồ

Phong cách sinh hoạt giản dị, thanh cao, ghét thói xa hoa, lãng phí của Chủ tịch Hồ Chí Minh được nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới ngưỡng mộ. Một tác giả nước ngoài đã viết rằng: Cuộc sống giản dị của Chủ tịch Hồ Chí Minh và sự gần gũi với nhân dân là đặc trưng cho tình yêu đối với đất nước của một Con Người đã trở thành huyền thoại ngay trong cả cuộc sống đời thường của mình. Một trong những yếu tố góp phần làm nên huyền thoại ấy bắt đầu từ điều vô cùng bình thường nhất, đó là những bữa ăn của vị Chủ tịch nước.

Ngày mới giành chính quyền năm 1945, Bác làm việc tại Bắc Bộ Phủ trong căn phòng nhỏ trên gác hai. Bác được cấp mỗi tháng 200đ cho việc ăn uống. Tới giờ ăn, Bác đến ăn tại bếp tập thể cùng anh em. Bữa ăn của Bác đạm bạc, thường chỉ có một miếng cá nhỏ, một bát canh, vài quả cà, mấy cọng dưa, dăm lát ớt và miến bát cơm. Ngày 10 tháng

4 năm 1946, giữa lúc đất nước bộn bề công việc, Bác về thăm Ninh Bình để dàn xếp vấn đề đối nội, đặc biệt là tôn giáo. Khoảng 8 giờ, khi xe Bác đến thị xã, nhân dân ùa đến, vây cờ, hô khẩu hiệu đón Bác. Anh em trong Ủy ban khấn khoản mời Bác ở lại nghỉ cho đỡ mệt và ăn tối, nhưng Bác nói: “Hàng ngàn đồng bào chờ Bác ngoài kia, Bác không thể nghỉ ở đây để ăn cơm vì 9 giờ tối Bác đã có việc ở Chủ tịch phủ. Bây giờ các chú giúp Bác: một chú ra tập hợp đồng bào vào một ngã tư rộng gần đây để Bác ra nói chuyện với đồng bào mười phút; một chú ra cửa hàng bánh mua cho Bác một cặp bánh giò. Còn các chú đi với Bác thì tranh thủ ăn cơm trước. Nói chuyện xong, Bác về Hà Nội ngay cho kịp hẹn. Trong xe, Bác sẽ ăn bánh vừa đỡ tốn kém, vừa tiết kiệm thời gian cho Bác”. Sau đó Bác ra nói chuyện với đồng bào. Khá muộn, Bác vẫy tay chào đồng bào rồi lên xe về Hà Nội. Xe đi được một quãng, Bác mới bắt đầu dùng bữa ăn tối của mình.

Kháng chiến bùng nổ, Bác cùng các cơ quan Trung ương và Chính phủ trở lại Việt Bắc. Những năm đầu, đời sống kháng chiến vô cùng kham khổ, Bác vẫn ăn chung với anh em, bát ăn chỉ là ống bương cưa ra, thức ăn chủ yếu là măng, rau, cao cấp nhất là thịt chim, sóc săn bắn hoặc đánh bẫy được đem kho mặn với muối để Bác ăn dần, thì thoảng tìm được con gà bồi dưỡng riêng cho Bác thì Người nói lộc bất khả tận hưởng, rồi đem chia đều cho mọi người. Món ăn chủ lực của Bác và anh em vẫn là món thịt Việt Minh gồm: 1kg thịt + 1kg muối + nửa kg ớt xào lên cho vào ống, đi đến đâu dùng cũng tiện. Khi tăng gia, chăn nuôi được nhiều, anh

em xin ý kiến, Bác đồng ý cho bỏ món thịt Việt Minh. Có lần, đoàn công tác của Bác đi qua huyện Yên Sơn theo kế hoạch ghé vào một cơ sở để ăn trưa. Nhưng khi đến nơi, thì nghe có tiếng máy bay địch nên Bác bảo anh em đưa cơm ra bãi cỏ ở bìa rừng ngồi ăn thuận tiện hơn. Hai đồng chí bảo vệ vào xóm bưng cơm lại mượn thêm chiếc chiếu của gia đình đồng bào ra ngồi. Lúc đặt mâm cơm xuống, Bác thấy có con gà luộc, đĩa cá và hai bát canh. Thấy thế, Bác không vui: “Các chú không nên mượn chiếu của bà con làm phiền đến dân”, ngừng một lát, Bác nói tiếp: “Trong khi nhân dân đang thất lưng buộc bụng kháng chiến, mình ăn cơm thế này là ăn cơm “quan” đấy”. Nói rồi, Bác vừa chia đôi tất cả các món ăn trên mâm. Bác bảo anh em đem một phần đã chia đưa vào biếu các gia đình nghèo trong xóm. Phần còn lại Bác lại chia làm đôi: Chỉ ăn một nửa, còn một nửa gói dành cho bữa sau. Một lần khác đi công tác, mấy Bác cháu được bố trí ăn cơm ở nhà một cơ sở. Đạo đó thiếu thốn nên nồi cơm phải đun nhiều sắn, khoai. Vì thương Bác nên gia đình đã nấu thêm nồi cơm gạo trắng và sắp một mâm riêng. Khi vào bữa, Bác bưng bát cơm trắng, gắp thêm mấy miếng thức ăn ngon để mời cụ cố đang ngồi bên bếp lửa gian trong, Bác nói rành rọt: “Cơm này là để dành cho người già nhất ăn”, rồi Bác lấy bát xới cho mình một bát cơm độn và cùng ăn với cả nhà. Trong rừng chiến khu đôi khi vẫn thiếu rau nhưng có nhiều mít, thế là Bác bày cách cho chị cấp dưỡng làm món nhút ăn cho đỡ xót ruột. Bác còn chú ý cả hình thức trình bày để bữa ăn tuy đơn giản nhưng ngon miệng. Một lần đi công tác, Bác

cháu dừng bên bờ suối nấu ăn, Bác bảo anh em nấu cơm để Người làm trứng rán. Bác làm rất thành thạo, khi trứng rán xong cơm chưa chín, Người lấy que sắt nung trên than hồng rồi đặt lên khoanh trứng tạo thành hình quả trám rất đẹp, thấy anh em trầm trồ, Bác nói: “Khi có điều kiện làm cho ngon hơn, đẹp hơn thì ta cứ làm chứ các chú!”. Cũng có dịp đặc biệt như cuối năm 1953, quân và dân miền Nam thắng trận U Minh, Đồng Tháp Mười, Tây Nguyên, Bác quyết định mở tiệc khao quân với các món: Thịt gà luộc (được chặt làm 20 miếng đều nhau vừa đủ số người trong cơ quan), canh cải xanh, rau muống xào tỏi, xôi nếp, cơm tẻ, đều là sản phẩm cơ quan tăng gia. Bữa tiệc xong, Bác bỗng nói, giọng trầm xuống: “Hôm nay Bác cháu mình ngồi ở chiến khu Việt Bắc ăn xôi với thịt gà mừng chiến thắng, thì quân và dân miền Nam đã 9 năm rồi, kể từ ngày 23 tháng 9 năm 1945 không lúc nào ngơi tay súng chiến đấu với quân thù để bảo vệ nền độc lập Tổ quốc, biết bao chiến sĩ và đồng bào đã hy sinh anh dũng...”. Mọi người cùng lặng đi khi thấy hai giọt nước mắt Bác lăn trên đôi má gầy sạm...

Cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi. Bác trở về thủ đô Hà Nội ở tạm trong ngôi nhà của người thợ điện, gọi là nhà 54. Bữa ăn hàng ngày của Người vẫn không cầu kỳ, không cao lương mỹ vị. 7 giờ, bữa điểm tâm của Bác thường là xôi ruốc thịt hoặc bánh cuốn, bánh mì. Đến khoảng 9 giờ, Bác uống một cốc cà phê. 11 giờ, Bác ăn cơm trưa, trên mâm cơm của Người thường có bát canh nước trong, một món xào hoặc thịt luộc, cá quả hoặc cá bống kho gừng và không

thiếu hương vị miền quê cả kho tương hoặc dầm đường ớt ... Bữa nào Bác cũng ăn đúng hai bát. Mỗi khi xong bữa, Người lại tự tay xếp bát đĩa gọn ghẽ để bớt phần công việc cho các đồng chí phục vụ. Khoảng 14 giờ, Bác uống một cốc sữa. 17 giờ 30, Bác dùng cơm tối. 21 giờ, Bác uống một cốc cà phê sữa cho tỉnh táo khi làm việc khuya. Có lần, đồng chí phục vụ đưa lên đĩa cá anh vũ - một loại cá quý thường chỉ có ở ngã ba sông Bạch Hạc (Việt Trì). Bác bảo: “Cá ngon quá, thế mà chú Tô (Thủ tướng Phạm Văn Đồng) lại đi vắng! Thôi, các chú để đến chiều đồng chí Tô về cùng thưởng thức”. Thấy Bác khen, anh em gửi tiếp cá đến, nhưng thấy món cá hôm trước lại xuất hiện, Bác không hài lòng: “Bác có phải là vua đâu mà phải cung với tiến?” rồi kiên quyết bắt mang đi, không ăn nữa. Năm 1957, Bác thăm một số nước Đông Âu. Sau buổi tiệc do Đại sứ quán Việt Nam tổ chức tiết kiệm và trang trọng, các món ăn không thừa, không thiếu, Người nói: “Ăn uống lãng phí, Bác xót xa lắm, vì đây là tiền bạc của nhà nước, của nhân dân. Bà con ta ở trong nước làm đổ mồ hôi, sôi nước mắt, mới có miếng mà ăn. Vì vậy để lãng phí, xa hoa là có tội với nhân dân”. Có lần ở Liên Xô, bạn chiêu đãi toàn những đặc sản, nhưng Bác lại chỉ nhớ món cá bống kho lá gừng. Không để bạn phật ý, đồng chí thư ký phải trở tài tháo vát bằng cách giới thiệu với bạn một món cổ truyền Việt Nam để nổi cá bống được có mặt trong bữa ăn.

Từ tháng 5 năm 1958, Bác chuyển sang ở nhà sàn, nhưng hàng ngày, đúng giờ quy định, Người trở về dùng bữa tại nhà ăn phía bên kia bờ ao, cơm nước xong, Người lại đi bộ trở về

nhà sàn, dù thời tiết mưa to, gió lớn cũng vẫn vậy. Các đồng chí phục vụ nhìn Bác xắn quần lội qua quãng đường ngập nước mà thương Bác vô cùng. Một hôm, sắp hết giờ làm việc buổi sáng, trời đổ mưa to. Thấy cơ hội thuận tiện, đồng chí giúp việc xin phép được mang cơm sang nhà sàn, Bác dừng tay làm việc, trầm ngâm nhìn trời mưa, hỏi đồng chí phục vụ “Thế mang cơm cho Bác cần mấy chú?”, “Dạ, thưa Bác, một đồng chí bê cơm, một đồng chí bê thức ăn và hai đồng chí đi kèm che mưa”, “Thế chú muốn một mình Bác vất vả hay muốn để nhiều người vất vả vì một mình Bác?”. Hết giờ làm việc, mưa vẫn tầm tã, Bác xắn cao quần, tay cầm ô, tay chống gậy, lần từng bước qua con đường vòng ao cá nước chảy xiết sang nhà ăn. Những lần đi công tác các địa phương, Bác đều nhắc anh em mang cơm đi theo, khi thì cơm nắm, khi thì bánh mì với thức ăn nguội, chỉ có món canh cho vào phích để đến bữa Bác dùng cho nóng. Trên đường đi, cứ đến bữa là Bác chọn nơi vắng, mát, sạch cho dừng xe, Bác cháu bày cơm ra ăn đơn giản, không phiền ai cả. Một lần về thăm Thái Bình, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân cố nài Bác ở lại ăn cơm, Người nói: “Đi thăm tỉnh lỵ còn ăn uống nổi gì?”, nhưng vì thương cán bộ đã trót bày mâm, Bác lấy gói cơm nắm và thức ăn mặn rồi bảo đồng chí cảnh vệ: “Chú mời đồng chí Bí thư và Chủ tịch đến ăn cơm với Bác. Còn chú và chú bác sĩ sang mâm kia ăn với cán bộ tỉnh”. Khi phải công tác ở địa phương nào lâu, Bác dặn cán bộ tỉnh chỉ làm cơm cho mấy người và ăn những món nào, dù cán bộ tỉnh bày cỗ ra Bác vẫn chỉ gắp vào bát của anh em và bát của mình mỗi người một miếng

gọi là nếm thử, rồi xếp ngay ngắn đĩa thức ăn ấy, để ra ngoài mâm, Bác vói với anh em: “Người ta dọn ra một bữa sang. Bác cháu mình có khi chẳng ăn và chẳng ăn hết. Nhưng đi rồi để lại cái tiếng: Đấy Bác Hồ đến thăm cũng làm cơm thế này, thế nọ, cũng điều động người làm mất thời gian. Thế là tự mình, Bác lại bao che cho cái chuyện xôi thịt...”. Hai lần Bác về thăm quê, tỉnh nhà đều làm cơm chiêu đãi Bác. Năm 1957, Bác mời mọi người cùng ngồi chung mâm có đĩa cà muối quê hương. Năm 1961, Bác cũng ngồi vào bàn ăn nhưng lại chiêu đãi mọi người món cơm đã chuẩn bị sẵn, mang từ Hà Nội vào: Đó là những gói cơm nắm độn bắp, gạo trắng và ngô nhỏ mịn gói lại vuông vức. Bữa cơm ấy thật ngon, nhiều ý nghĩa và cảm động. Năm 1965, cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ đang ác liệt, nhân dân ta bắt đầu phải ăn cơm độn sẵn, ngô, Bác dặn anh em: “Các chú thổi cơm độn cho Bác. Nhân dân, cán bộ ta ăn độn bao nhiêu phần trăm, độn cho Bác từng ấy”. Khi đó Bác đã bước vào tuổi 75, nhìn Bác ăn độn mà anh em xót quá, mới thưa lại có quy định các cụ già trên 70 tuổi không phải ăn cơm độn, nhưng Bác bảo: “Bác cũng nhiều tuổi, nhưng Bác còn khỏe. Thế thì Bác theo cán bộ. Cán bộ thế nào thì Bác thế ấy. Cứ thổi tiếp đi cho Bác ăn”. Anh em xay ngô thật nhỏ, độn gọi là, nhưng Bác biết, Người nhắc: “50% cơ mà!”.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng là người được vinh dự dùng cơm với Bác nhiều lần nhất, Thủ tướng kể lại rằng bữa ăn nào Bác cũng ăn tiết kiệm, vừa đủ không bỏ món thừa, không vương vãi một hột cơm. Bác rất thích ăn những món

dân dã như vó bò, cà dầm tương, mắm, canh cua với rau chuối thái ghém hoặc dọc mùng. Những hôm mời khách ăn cơm, bao giờ Bác cũng báo trước cho đồng chí cấp dưỡng biết để chuẩn bị và số tiền đãi khách đó được trừ vào tiền lương của Bác, không bao giờ người dùng vào tiền công quỹ. Bác thường mời cơm thân mật một số đồng chí trong Bộ Chính trị, đôi khi cả gia đình một số đồng chí trong Trung ương, cán bộ, các anh hùng dũng sĩ miền Nam ra báo cáo công tác hoặc chữa bệnh. Những lần tiếp khách như vậy bao giờ Người cũng nhắc các đồng chí phục vụ nấu những món ăn phù hợp khẩu vị của khách để anh em ngon miệng. Chiều ngày 01 tháng 8 năm 1969, vị khách cuối cùng được Bác mời cơm là đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam ra báo cáo tình hình với Người.

Phong cách sinh hoạt đời thường của Bác Hồ là biểu hiện của tình thương yêu con người, là đạo đức cần - kiệm - liêm - chính, tạo nên nét thanh cao và sự vĩ đại của một nhà hiền triết, một bậc thánh nhân thế kỷ XX, bởi vậy: “Cuộc đời của Hồ Chủ tịch trong như ánh sáng. Đó là tấm gương tuyệt vời về chí khí cách mạng kiên cường, tinh thần độc lập tự chủ, lòng nhân đạo và yêu mến nhân dân thắm thiết. Tư tưởng và đạo đức cao cả của Người mãi mãi soi sáng và nâng cao tâm hồn chúng ta”.

Nguồn: Trang ditichhochiminhphuchutich.gov.vn

“Cách mạng” theo ý Bác Hồ

Năm 1946, khi nêu lên khẩu hiệu “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, một số cán bộ đã góp ý với Người là nghe “nó cũ quá”. Bác đã giải thích, đại ý “không phải cái gì cũng bỏ”.

Năm 1947, ở Chiến khu Việt Bắc, với tên ký là Tân Sinh, Bác viết tác phẩm *Đời sống mới*, xuất bản lần đầu tiên ngay trong năm đó.

Trong trang đầu tiên đề cập tới “Đời sống mới”, tác giả viết: “Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ. Thí dụ: Ta phải bỏ hết tính lười biếng, tham lam. Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý. Thí dụ: đơm cúng, cưới hỏi quá xa xỉ, ta phải làm bớt đi.

Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm. Thí dụ: Ta phải tương thân tương ái, tận trung với nước, tận hiếu với dân hơn khi trước.

Cái gì mới mà hay, thì ta phải làm. Thí dụ: Ăn ở cho hợp vệ sinh, làm việc cho có ngăn nắp”. Năm 1958, khi đồng chí Giang Đức Tuệ, Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình đến gặp Bác tại Văn phòng Chủ tịch ngày 20 tháng 10, Bác dặn: Cách mạng chỉ xóa bỏ cái xấu, cái dở và giữ lại cái tốt, cái hay”.

Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng có lưu trữ một bài nói chuyện của Bác, nhan đề “Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu” (chưa xác minh chính xác ngày, tháng ra đời của văn kiện nên tạm xếp vào năm 1952).

Bác nói “Cách mạng là tiêu diệt những cái xấu, xây dựng những cái gì tốt”.

Bác thực sự đã cho ta tấm gương sáng về lời nói và cả về hành động cách mạng.

Bác đã nghiên cứu, đối chiếu, gạn lọc, xóa bỏ tất cả những cái “xấu” ngay trong lòng xã hội mới hiện đại, văn minh nhất đương thời, đồng thời đã phát hiện và giữ lại tất cả những cái hay, tốt, đẹp của lịch sử phát triển các dân tộc trên thế giới, cổ kim, đông tây. Người đã thấy được cái hay, cái tốt trong Phật giáo, Thiên Chúa giáo, trong Khổng học để vận dụng vào cuộc cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng những điều hay, điều tốt của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Bác cũng thấy được trong từng con người, từng cộng đồng người, tuy “cũ”, tuy “xấu”, nhưng vẫn có cái “tốt” để phục vụ cách mạng, mà cái tốt trên hết “là lòng yêu Tổ quốc, yêu nước, thương nòi”. Cho nên, đã có những người trước

làm quan to cho Pháp, cho triều đình Huế, đã học và kiếm được nhiều tiền trên đất nước “tư bản”, những nhà “tư sản”, những “địa chủ”, những công nhân sống lâu, sống sâu với kẻ địch, nhưng họ vẫn thấy được cái điều “cách mạng” ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, tin và đi theo “Cụ Hồ”.

Người đã đến viếng và thắp hương ở đền Bà Triệu tại Thanh Hóa, thích các làn điệu dân ca Nghệ Tĩnh, Việt Nam, Pháp, Ý. Khi nói, khi viết đều dùng lời lẽ, chữ nghĩa giản dị, khi cần thiết cũng đã nêu lên những ý hay của Tổng thống Hoa Kỳ, dí dỏm của người Anh, sâu sắc của Khổng Tử. Tất cả những điều ấy và biết bao điều khác nữa đâu có thể nói Bác là “cũ”!.

Bác đã từng nói: Một đoàn thể mạnh thì cái tốt ngày càng phát triển, cái dở ngày càng bớt đi. Một điều tốt phải đưa ra cho tất cả mọi người cùng học, một điều xấu phải đưa ra tất cả mọi người cùng biết mà tránh”. Người cũng đã dạy rằng xóa điều xấu, làm điều tốt không thể gấp gáp được. Vì nếu có nấu cơm cũng phải 15 phút mới chín, hướng chi là sửa chữa cả một nước đã 80 năm nô lệ, người tốt có, người xấu có, một đám ruộng có lúa lại có cỏ, muốn nhổ cỏ cũng phải vài ba giờ mới xong”.

Trong tình hình đổi mới của nước ta hiện nay, những cụm từ “cách mạng”, “cái xấu”, “cái tốt”, nhất thiết cũng cần cho chúng ta suy nghĩ. Mở cửa đón gió bốn phương, không phải “nhập” cả những điều “mới”, “hiện đại” nhưng lại xấu xa, đồi bại, có những cái không tốt của “khách” mà chính họ

cũng bỏ, càng không phải một cuộc “loại bỏ” những cái “cũ” đẹp dần mất đi, cái mới chưa tốt lại đang được o bế, đang có “môi trường” sinh sôi, nảy nở. Điều này làm cho ai đó, rất cực đoan, muốn trở lại hai đầu “cũ, cũ hết, mới, mới hết; cũ xấu hết, mới tốt hết”. Đó là một thái độ không “cách mạng”, như lời Bác dạy.

*Nguồn: Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam
ngày 30/9/2009*

Những lời Bác dạy đầu tiên

Mùa thu năm 1946, tôi và ba đồng chí nữa được vinh dự theo Bác về nước trên chiếc tàu Duymông Đuécvin (Dumon d'Urville). Tàu này là một chiếc tàu chiến đã cũ, chạy lừ đừ chậm chạp. Lúc bấy giờ, tình hình ở trong nước đang căng thẳng ai nấy đều sốt ruột mong về sớm, nhưng giờ đây nghĩ lại, đối với chúng tôi, đó là một dịp may hiếm có để được kéo dài những ngày chung sống với Bác.

Trên chuyến xe lửa từ Paris đi Marseille, Bác nói:

- Nước ta còn nghèo vì 80 năm bị đế quốc bóc lột, chiếm đóng. Đồng bào Nam bộ giờ đây còn đổ máu. Chúng ta còn gian khổ chiến đấu, nhiều chữ chưa được sung sướng ngay đâu. Các chú về nước chính là để phục vụ Tổ quốc, phục vụ đồng bào...

Lên tàu rồi, một hôm Bác dặn:

- Ở nhà không có gì đâu. Nước ta thiếu máy móc, nguyên liệu, thiếu cả thợ lành nghề, tiền của ta lại ít. Song nước ta giàu về rừng núi, sông biển, đồng bào ta giàu về quyết

tâm, dũng cảm và sáng tạo. Các chú về phải chịu thương, chịu khó làm ăn, đưa những cái đã học ở nước ngoài về áp dụng thiết thực vào trong nước, giúp đỡ và hướng dẫn anh em trong nước cùng làm.

Tôi còn nhớ lúc đi tàu, thỉnh thoảng có những hôm tên đại tá chỉ huy tàu tổ chức tập trận giữa biển cả mênh mông, tiếng súng đại bác, súng máy các loại thi nhau gầm thét, khói mịt mù, nước biển tung tóe ngoài khơi. Trong chúng tôi, thoát tiên cũng có người hồi hộp, nhưng riêng Bác vẫn điềm nhiên, ung dung hút thuốc lá, đứng xem. Bác mỉm cười bảo chúng tôi:

- Đây, người ta thử kiểm tra tinh thần của các chú. Các chú có sợ không?

Nhân đó, Bác chỉ cho chúng tôi thấy bọn đế quốc thường hay phô trương, khoe khoang về sức mạnh vật chất, còn nhân dân cách mạng tuy nghèo nhưng hàng triệu người đoàn kết thành một khối, có tinh thần dũng cảm và mưu trí, nhất định đánh bại được bọn chúng...

Tại Đại hội liên hoan anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất, tôi được Bác khen...

Vinh dự đó thuộc về anh em ngành quân giới trong đó tôi nhờ sự chỉ bảo, dẫn dắt của Bác đã đóng góp một phần.

Những lời dạy của Bác như bức cảm nang quyết định mọi thắng lợi trong công tác của tôi.

*Nguồn: Theo Thiếu tướng Trần Đại Nghĩa
báo Hậu Giang, số 395 ngày 30/3/2007.*

Tài ứng khẩu của Bác

Bác là một lãnh tụ, nhưng khi hòa mình với nhân dân, Người không bao giờ dùng những lời giáo huấn đơn điệu, mà ở Người là sự kết hợp hài hòa giữa tác phong quần chúng, những lời nói bình dị, dễ hiểu và khả năng gây cười, sự dí dỏm tự nhiên. Phản xạ, ứng đáp nhanh nhạy trước mọi tình huống ở Bác có nét đặc trưng riêng, đã trở thành thói quen phù hợp với từng đối tượng tiếp nhận, thích ứng đối với mọi hoàn cảnh xung quanh. Đó là kết quả của một trí tuệ mẫn tiệp, của thái độ, phong cách quần chúng. Bác luôn tạo nên một không khí hòa đồng, một mối liên hệ gần gũi giữa người nói, người nghe, xóa đi những cách biệt, những suy nghĩ tự ti của người dân trước lãnh tụ và đưa lại không khí tự nhiên vốn có giữa con người với con người. Nó không chỉ dừng lại ở nghệ thuật ứng xử mà là phản xạ tự nhiên của lãnh tụ rất nhân dân.

Đầu năm 1950, Chính phủ Liên Xô mở tiệc chiêu đãi

trọng thể Chủ tịch nước láng giềng của ta. Hôm chiều dài có mời Bác đến dự. Khi chuyện trò, Bác nói với một đồng chí Liên Xô: “Các đồng chí đã ký hiệp ước với nhau, nhân dịp tôi ở đây chúng ta cùng ký một hiệp ước với nhau”.

Chuyến đi của Bác lúc đó là bí mật, nên đồng chí Chủ tịch trả lời Bác là: “Người ta sẽ nói đồng chí ở đâu đột ngột đến thì không tiện”. Bác trả lời: “Cái đó dễ thôi, đồng chí cho một chiếc máy bay đưa tôi bay một vòng trên trời, sau đó cho người ra đón, rồi quay phim chụp ảnh đưa tin là ổn.

Năm 1967, Liên Xô quyết định tặng Bác huân chương Lênin. Nếu Bác từ chối không nhận thì không thuận cho quan hệ ngoại giao. Bác vốn xưa nay chưa bao giờ nhận huân chương, lần này Bác có cách từ chối khéo. Bác viết thư xin hoãn việc trao huân chương, chờ khi nào giải phóng hoàn toàn Tổ quốc lúc đó Bác sẽ thay mặt nhân dân Việt Nam, nhận huân chương cao quý đó. Hôm sau, các báo ở Liên Xô đăng trang trọng trên trang nhất quyết định tặng huân chương của Nhà nước Liên Xô và thư của Bác. Qua đó nhân dân Liên Xô càng yêu quý Bác hơn.

Nhớ lần Bác đến thăm một nông trường ngoại ô Ki-ép, Bác đi xuống nơi công nhân đang lao động, thấy Bác mặc giản dị ai cũng quý, cũng muốn đến gần. Khi đó có một cô công nhân đứng cạnh Bác, mạnh dạn hỏi: “Thưa Bác, cháu trộm nghĩ một mình Bác chắc chắn không tiêu hết lương Chủ tịch nước?”. Bác nhăm nhăm và vui vẻ trả lời: “Thế tính ra lương cháu gấp đôi lương Bác đấy”.

Hồi kháng chiến chống Pháp, Bác thường đi xuống thăm các đơn vị cơ sở. Một lần đi thăm xưởng quân giới Lê Tổ. Bác trả lời câu hỏi của anh chị em ngắn gọn, dễ hiểu. Có người hỏi, khi nào thì đồng tiền Việt Nam trở lại có giá trị như khi nó mới có, Bác trả lời: “Khi các cô chú tăng gia sản xuất tăng hai lần thì nó trở lại hai lần, tăng ba lần nó trở lại ba lần”. Có người hỏi, Đảng ta sắp ra công khai, vậy Bác có ra không, tên thật Bác là gì? Khi nói đến Bác có ra không? Cả hội trường ai cũng cười. Bác nói: “Đây, cười là trả lời rồi đấy”. “Tên thật Bác là Bác”. Có câu hỏi: “Khi nào thì Bác có Bác gái? Toàn thể reo cười, Bác trả lời: “Khi nào có thì Bác sẽ trả lời”. Câu hỏi tiếp: “Phụ nữ các nước dân chủ họ làm gì ạ? Bác trả lời: “Họ cũng lao động và tăng gia sản xuất, và học hát, các cô các thím thua họ ở chỗ học hát”...

Năm 1948, nhân ngày phong Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp, Bác vui vẻ ra câu đối:

“Giáp phải giải Pháp”. Các vị có mặt gặp thế bí vì về đối nói lái này gói gọn ý Đại tướng Giáp phải giải giáp được quân Pháp.

Ông Tôn Quang Phiệt nhìn Bộ trưởng Bộ Tài chính Lê Văn Hiến đọc về đối:

“Hiến tài, hái tiền” Bác khen về đối hay, đạt cả ý lẫn lời, nên Bác tặng tác giả một quả cam.

Sau cuộc họp lớn, giữa trưa hè nắng đẹp, mọi người đứng đầu vào đây cả rồi, thợ ảnh cứ chạy bên này bên kia, chọn góc chụp, Bác đứng cạnh nhà thơ Tú Mỡ, Bác nói vui:

- “Chú chụp nhanh không thì tất cả bọn này thành Tú Mỡ cả”.

Mọi người được phen cười vui vẻ. Bác vừa nói theo nghĩa tiếng Pháp (tout là tất cả, mớ là mớ hôi) vừa theo nghĩa tiếng ta, ngụ ý dí dỏm, vui vẻ.

Đồng chí Nguyễn Đăng Bảy, thời kỳ kháng chiến là phóng viên nhiếp ảnh thông tin Trung ương, khi chụp được một số ảnh của Bác, anh em bàn đưa ra trưng bày triển lãm. Hôm đó Bác tình cờ vào xem. Đồng chí đang hý hoáy trang trí, Bác hỏi: “Chú treo được bao nhiêu bức ảnh tất cả?”. Đồng chí Bảy trả lời Bác là được tất cả 20 tấm ạ, Bác nói: “Hơn chứ, chú đếm lại xem thử”. Đồng chí đếm đi tính lại cũng chỉ có 20. Lúc ấy, Bác cười, chỉ vào mình mà nói: “Còn đây là chiếc thứ 21 chứ”.

Hôm khai mạc lớp chính huấn có vui văn nghệ. Có đồng chí xung phong lên đọc thơ của Huy Cận, Bác hỏi vui: “Cái tác giả bài thơ có ở đây không?”. Nhà thơ Huy Cận thưa có. “Thế thì mời “tác thật” lên đọc thơ của mình “cho nó thật hơn”. Sau Bác hỏi: “Có chú nào dân tộc Mường lên hát một bài tiếng Mường cho mọi người thưởng thức”. Có đồng chí xung phong đọc bài thơ lục bát tiếng Kinh, đọc lơ lớ, bỏ hết dấu, Bác bảo “đấy không phải tiếng Mường”.

Bác đến thăm nhà chị Loan (người kéo cờ ở quảng trường Ba Đình ngày 2/9, sau là phu nhân Đại tướng Hoàng Văn Thái) ở chiến khu. Vào đến nhà thấy đồng con nhỏ, Bác nói vui: “Ồ tưởng đây là nhà cô Loan, hóa ra mình vào nhầm

nhà trẻ”. Biết Bác phê bình khéo, chị ngượng cười và báo cáo: “Thưa Bác đây là “tiểu đội” của vợ chồng cháu đây ạ”. Bác vui vẻ bảo chị tập trung “tiểu đội” cứ lần lượt bé nhất đứng trước để Bác chia kẹo, chị đang loay hoay sắp xếp đội hình, Bác bảo: “Tiểu đội trưởng cũng đứng vào hàng chứ”. Bác chia kẹo cho các cháu và cho cả chị nữa. Khi đến lượt chị, Bác nói vui: “Bác khen là cô đã có công nuôi dạy các cháu ngoan”.

Nhớ lần Bác đến thăm một gia đình cán bộ, thấy ba cháu gái xinh xắn ra chào Bác, Bác hỏi vợ chồng chủ nhà tên các cháu là gì. Chủ nhà thưa Bác tên các cháu là Thu Thủy, Thu Thảo, Thu Vân, Bác cười hiền lành và nói: “Sao đặt “văn chương” thế, gọi Thu Ngô, Thu Sấn, Thu Khoai có hay không”. Khi ra về Bác bảo: “Nói vui thế thôi, chứ những tên Việt Nam ấy rất đẹp”.

Đồng chí Tạ Quang Bửu sinh cháu trai đầu lòng, Bác có chai mật ong, Bác gửi tặng cháu, tự tay Bác viết “Nhân hiệu tặng cháu Quang. Thời gian sau, Bác ghé vào thăm nhà đồng chí Bửu, Bác gọi âu yếm “Thằng Quang đâu? Thằng “xã xệ” đâu, ông bế nào”. Rồi Bác chụp ảnh với cháu và không quên gửi tặng ảnh cho cháu.

Một lần đến dự cuộc họp Trung ương, thấy một cô gái đứng cạnh đường, chào Bác, Bác hỏi, cháu đứng đây làm gì, được biết cô là lính bảo vệ, Bác hỏi vui: “Thế cháu đứng bảo vệ Bác thì ai bảo vệ cháu?”

Có lần Bác đến thăm một địa phương, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đứng lên thưa với Bác, có câu: “Thưa Bác Hồ, vị cha

già dân tộc”, Bác ngoảnh lại nói với mọi người: “Bác chưa già đâu”.

Buổi đó Bác được tặng ba bó hoa, Bác hỏi đồng chí Bí thư: “Theo chú thì Bác nên tặng hoa cho ai?”. Đồng chí trả lời Bác: “Thưa Bác, Bác tặng cho phụ nữ, thanh niên...”. Bác cười và nói vui: “Phụ nữ, thanh niên không tặng Bác thì thôi...”. Bác xuống sân và tặng một cụ già cao tuổi nhất, một cháu thiếu nhi và cho bộ đội.

Lần Bác tiếp các anh hùng quân đội, Bác hỏi: “Chú nào hạ được nhiều máy bay nhất?”. Thưa Bác, đồng chí Cốc ạ. Mọi người đồng thanh trả lời. Bác gọi: “Chú Cốc lên đây Bác bắt tay”. Bác nói: “Năm nay mong chúng ta có nhiều Cốc hơn nữa”.

Đến thăm Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc, Bác đến gần một cô gái và hỏi: “Đơn vị cháu có mấy người trong đoàn?”. Cô gái lúng túng trả lời: “Thưa Bác, chỉ một mình cháu được đi thôi ạ”. Bác dí dỏm: “Thế đơn vị cháu nhiều người tiêu cực thế à, chỉ được một mình cháu?”.

Một đoàn cán bộ vào gặp Bác, Bác mời ăn kẹo nhưng ai cũng muốn nghe Bác nói chuyện chứ không muốn ăn, thấy thế Bác bảo: “Không ai ăn kẹo thì Bác cho mang về”.

Lúc đó, Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền hóm hỉnh nói: “Bác cho, ta đưa cả về”. Bác cười vui nói ngay: “Bác cho đưa kẹo về, đĩa phải để lại Bác còn tiếp khách chứ”.

Nhớ lần đi “dã ngoại” bữa ăn mang theo có thịt bò, đến

bữa ăn, đồng chí Vũ Kỳ chỉ vào đĩa thịt, hỏi đồng chí bảo vệ: “Đố biết đây là thịt gì?”. Đồng chí này trả lời là thịt bò, đồng chí Vũ Kỳ hỏi tiếp: “Nhưng mà thịt bò gì chứ?”. Đồng chí bảo vệ đang băn khoăn chưa kịp trả lời, đồng chí Vũ Kỳ nói tiếp: “Đây là thịt bò rừng, loại này đặc biệt lắm, người ta không bắn được nó mà phải dùng muối bỏ vào bẫy rồi mới bắt được nó”. Đang lúng túng lại nghe kể có vẻ ly kỳ, nên đồng chí có vẻ chăm chú lắng nghe, tưởng như thật. Thấy vậy, Bác vỗ vai vừa cười vừa hỏi:

“Thế Bác đổ chú một cân sắt nặng hơn hay một cân bông nặng hơn?”. Nghe Bác đổ, lúc đầu đồng chí định trả lời là cân sắt nặng hơn, nhưng nhìn ánh mắt vui vẻ của Người, đồng chí bình tĩnh cân nhắc trả lời là nặng bằng nhau. Bác nói đùa vui: Cân sắt chắc nặng hơn chứ” như muốn nói thịt bò nào mà chả giống nhau, cái chính là phải trả lời dứt khoát để người ta khỏi vắn vẹo, quanh co.

*Nguồn: “Hồ Chí Minh, chân dung đời thường”,
NXB Lao động, Hà Nội, 1996.*

Đời sống của dân quan trọng hơn

Năm 1951, hai nhà quay phim chiến sĩ miền Nam Nguyễn Thế Đoàn, Lê Minh Hiền được tham gia đoàn cán bộ miền Nam ra Việt Bắc.

Đoàn đã được Bác Hồ tiếp thân mật và tổ chức tiếp long trọng tại Văn phòng Chủ tịch nước. Riêng mấy anh em điện ảnh miền Nam còn được Bác mời đến trong một cuộc liên hoan lửa trại đầm ấm. Anh em đề nghị Bác cho phép “quay” một số cảnh làm việc, sinh hoạt của Bác, Bác đồng ý. Với chiếc máy quay phim “cổ lỗ sĩ” và một số mét phim ít ỏi, Lê Minh Hiền đã ghi được một số hình ảnh rất quý giá - cho đến ngày nay là vô giá - về Bác Hồ.

Đồng chí Hiền và đồng chí Đoàn vẫn còn áy náy là Bác mặc quần áo giản dị quá, sợ mang về miền Nam chiếu lên, đồng bào có thể hoặc là quá xúc động, hoặc là chê trách người quay phim. Đồng chí Đoàn bày cho đồng chí Hiền là

để nghị Bác mặc kaki đại cán, kiểu Tôn Trung Sơn, bộ độc nhất của Bác để quay cho đẹp.

Tưởng Bác đồng ý, nào ngờ Bác nói:

- Bác như thế này, có thế nào thì các chú cứ thế mà quay.

“Thua” keo này, lại bày keo khác. Lâu lâu, hai anh em lại “xin” Bác mặc đại cán “cho”. Thấy các nghệ sĩ năn nỉ mãi, Bác cũng đành mặc “cho” đôi ba lần, những khi cần thiết... Tổ làm phim còn quay được một số cảnh Bác đánh máy chữ, trồng rau xanh, đi công tác lợi suất, cưỡi ngựa.

Anh em còn định quay một số cảnh nữa về đời sống hàng ngày của Bác.

Bác nói:

- Thôi! Đời sống của Bác lúc này không quan trọng bằng đời sống của nhân dân.

Nguồn: “Mãi mãi học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008.

Vấn đề là phương pháp

Ông Thu Lâm – cán bộ của Trường Phổ thông lao động và Trường Bổ túc văn hóa công nông kể rằng: Năm 1951, Trường Phổ thông lao động khai giảng rồi sau đó sáp nhập với Trường Bổ túc văn hóa công nông. Nhiều cán bộ, chiến sĩ quân đội như các anh hùng La Văn Cầu, Nguyễn Thị Chiên, chiến sĩ tình nguyện quân trên chiến trường Lào, Phạm Đức Dương, nguyên Viện trưởng Viện Đông Nam Á cùng một số cán bộ dân chính, con em cán bộ được dự học, trường đã bồi dưỡng kiến thức cho trên dưới 3.500 học sinh để thi vào các trường đại học, cao đẳng. Học viên nhà trường nhiều người sau đó đã trở thành cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước, quân đội, trong đó có nguyên Thủ tướng Phan Văn Khải.

Bác đã đến thăm trường 3 lần, vào cuối năm 1956, năm 1957 và 1959.

Năm 1957, vào lúc học sinh, công nhân viên, giáo viên, cán bộ nhà trường lên tới 4.000 người, giữa mùa hè, bỗng thiếu nước sinh hoạt trầm trọng. Các vòi dẫn nước về không chảy nước. Nhà trường phải thuê xe chở nước về phân phối định lượng cho mỗi người. Vì không đủ nước nên tình hình học tập trở nên loạc choạc; năng suất, kết quả học tập sút kém, tinh thần cán bộ, học viên trở nên căng thẳng. Ban giám hiệu nhà trường cũng đành bó tay không có cách nào giải quyết tích cực hơn.

Việc ấy đến tai Bác.

Một buổi sáng sớm thứ sáu, không nhớ cụ thể vào tháng nào, nhưng hẳn là giữa mùa hè năm 1957, cán bộ cơ quan bảo vệ Bác đến báo cho trường biết là chiều nay Hồ Chủ tịch đến. Thế là từ Ban giám hiệu, cán bộ giáo viên, học viên bỏ cả nghỉ trưa, làm tổng vệ sinh, quét dọn nhà ăn, nhà bếp, trong trường, ngoài ngõ ...

Hai giờ chiều hôm ấy, Bác đến. Sau khi thăm nơi ăn, nơi ngủ, bếp núc, bể chứa, vòi nước, Bác lên thẳng hội trường. Bác không nói chuyện thời sự, tình hình gì mà hỏi ngay:

- Ở đây, cô chú nào nhiều tuổi và hoạt động lâu năm nhất?

Một lát sau, có một học viên người miền Nam, tóc đã hoa râm đứng lên:

- Thưa Bác, cháu hoạt động từ năm 1930.

Bác hỏi vặn lại:

- Thế chú hoạt động có lâu năm hơn Bác không?

Đồng chí “năm 1930” đứng như trời trồng không trả lời được. Bác ra hiệu cho ngồi xuống. Quay sang hiệu trưởng, Bác hỏi:

- Nhà trường có bao nhiêu học viên?

Đồng chí Nguyễn Đình Thâu là Hiệu trưởng thưa:

- Thưa Bác, 3.600 học viên ạ.

Hiệu phó Lê Sơn khẳng định:

- Dạ thưa Bác, 3.550 học viên ạ.

Đồng chí quản trị nắm quân số chấm cơm lại nói:

- Thưa Bác, đúng quân số ăn cơm là 3.512 người.

Bác nghiêm nét mặt, nói:

- Có một con số mà mấy chú “đá nhau”, Thật là “vua liêu” chứ chẳng phải quan liêu nữa.

Bác quay về phía học viên, hỏi:

- Các cô, các chú mỗi người có thể đào “cho Bác” một khối đất được không?

Cả hội trường, nhất là học viên là bộ đội đều thưa to: “Dạ, được ạ”. Nhưng cũng chưa hiểu đào đất để làm gì?

Ra hiệu cho mọi người giữ trật tự. Bác nói tiếp:

- Cứ cho là trường có 3.500 người. Mỗi người một mét đất đào, như vậy cả trường đào được 3.500 mét đất. Đào một cái giếng để có nước cần bao nhiêu mét đất?

Bác đặt câu hỏi, nhưng cả Ban giám hiệu, toàn thể nhà trường biết là Bác răn dạy về cái khoản nước rồi, ai nấy đều im lặng, như đã nhận thấy lỗi.

Bác nói:

- Tại sao không tự bảo nhau đào giếng lấy nước mà dùng, lại cứ ngồi kêu ca Hiệu trưởng, kêu ca Đảng ủy, kêu ca Nhà nước?

Đồng chí Hiệu trưởng đứng dậy thưa với Bác sẽ thực hiện lời Bác dặn.

“Mấy mươi năm đã qua, mà tôi vẫn nhớ mãi buổi hôm ấy, chỉ một lần được Bác đến thăm mà được học hai bài học sâu sắc.

Một là, đã làm người dân, người cán bộ, đảng viên phải lấy tinh thần phục vụ vì dân, vì nước không nên “lên mặt”.

Hai là, trong công việc, cách giải quyết khó khăn, mâu thuẫn, tức là phương pháp rất quan trọng, có khi là quyết định. Có cách làm tốt, đúng mới thực hiện được chủ trương đường lối, mới giải quyết được vấn đề” – Đồng chí “năm 1930” kể.

Nguồn: baclieu.gov.vn

Câu chuyện về ba chữ “đình”

Khoảng cuối năm 1954 đầu năm 1955, khi mới tiếp quản Thủ đô, Trung ương Đảng còn đóng trụ sở ở nhà thương Đồn Thủy, nay là bệnh viện Việt Xô.

Một buổi chiều, Bác cho người gọi tôi lên. Thú thật, biết nơi Bác ở, nhưng tôi cũng chưa bao giờ đến. Được Bác gọi giao việc, tôi vừa mừng vừa lo. Mừng vì được giúp việc Bác, có điều gì hần Bác sẽ chỉ bảo đến nơi đến chốn. Lo vì liệu mình có hoàn thành nhiệm vụ Bác giao không?

Tôi ăn mặc chỉnh tề, lấy lược chải tóc ngay ngắn, rồi lên gặp Bác. Thoáng thấy tôi Bác nói:

- Mời chú ngồi.

Tôi nhẹ nhàng ngồi xuống chiếc ghế tựa trước bàn Bác làm việc. Bác nói:

- Bây giờ chú giúp Bác làm một việc (vừa nói Bác vừa đưa cho tôi một quyển sổ công tác không dày lắm). Hàng

ngày chú đọc báo Nhân dân, báo Quân đội Nhân dân, báo Cứu Quốc... chú thấy các báo nêu thành tích của các cô, các chú nông dân, công nhân thì ghi tóm tắt vào sổ. Hàng sáng đúng 7 giờ chú đưa lên Bác xem, xem xong Bác sẽ gửi lại chú.

Thực hiện lời Bác dạy, tôi tranh thủ thời gian đọc báo để ghi vào sổ người tốt, việc tốt, sáng sáng đưa lên Bác xem.

Mặc dầu về tiếp quản Thủ đô, công việc rất bận, tôi vẫn thấy Bác giữ nguyên nề nếp giờ giấc hàng ngày. 6 giờ Bác đã ngồi vào bàn làm việc. Từ 7 giờ đến 7 giờ 15 phút đọc quyển sổ ghi tóm tắt người tốt, việc tốt của tôi đưa lên, rồi lại tiếp tục làm những việc theo lịch đã sắp xếp.

Tranh thủ lúc Bác đọc những mục ghi trong sổ, tôi lặng lẽ ngắm Bác. Thấy tôi đứng, Bác nói:

- Chú ngồi xuống đây!

Tôi ngồi xuống chiếc ghế trước bàn làm việc của Bác.

Sáng nào cũng vậy, đọc xong bản ghi chép Bác cũng chữa câu văn cho tôi. Chỗ nào cần lưu ý Bác lấy bút đỏ gạch dưới và dặn:

- Chú về báo cáo với chú Lương thường, hoặc nhắc địa phương, cơ quan, xí nghiệp khen thưởng những người có nhiều thành tích mà Bác đã đánh dấu.

Một kỷ niệm in đậm trong tâm trí tôi nhất là lần tôi đọc báo Nhân dân và ghi vào sổ “Tổ sản xuất Dân chủ sản xuất đình, tháng Một sản xuất được 50 vạn chiếc đình, tháng

Hai nhờ phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật sản xuất được 60 vạn chiếc đinh”. Đọc xong Bác lấy bút đỏ gạch bỏ hai chữ “đinh” ở cuối câu rồi nói:

- Chú viết một câu ngắn mà có ba chữ “đinh”. Phải biết tiết kiệm giấy mực, công sức và thời gian. Đọc hai chữ “đinh” mất một giây, cả triệu người thì hết bao nhiêu thời gian.

Tôi còn giữ mãi quyển sổ đỏ trong đời hoạt động công tác. Bác chữa nhiều chỗ, nhưng tôi nhớ nhất là câu chuyện về ba chữ “đinh” trong câu đó. Hai chữ “đinh” đằng sau Bác gạch bằng bút mực đỏ. Tôi càng ngày càng thấy thấm thía sự dạy bảo của Bác. Nếu ai cũng có ý thức tiết kiệm như Bác, chắc chắn rằng nền kinh tế của đất nước ta đã khấm khá hơn rồi.

Nguồn: “Hồ Chí Minh - Một huyền thoại kỹ vĩ”

NXB Lao Động, 2008

Nhớ ngày Bác Hồ đến thăm cơ quan Trung ương Đoàn

Với thanh niên, Bác luôn dành sự quan tâm đặc biệt. Vào một ngày đầu tháng 11 năm 1955, trong bộ kaki sáng màu và đôi giày vải giản dị, Bác Hồ đã đến thăm cơ quan Trung ương (T.Ư) Đoàn khi đó trụ sở tại số nhà 55 phố Quang Trung...

Hôm đó, Hà Nội vàng nắng rạng rỡ trong tiết trời mát mẻ. Đúng 8 giờ sáng, Bí thư T.Ư Đoàn Nguyễn Lam gọi anh Văn Tùng (cán bộ trẻ từ Huế ra nhận công tác mới được bốn tháng) và anh Nguyễn Thừa Lương (khi đó là Chánh Văn phòng T.Ư Đoàn) lên phòng làm việc. Anh Nguyễn Lam chỉ thị: “Chuẩn bị hội trường, tập hợp tất cả cán bộ nhân viên cơ quan, đúng 9 giờ sáng có mặt”.

Anh Văn Tùng và anh Thừa Lương đoán già đoán non: “Hà Nội mới giải phóng chưa lâu, chắc là có việc đột xuất”. Anh Văn Tùng nhận nhiệm vụ vội lao lên yên chiếc xe đạp cà tàng phóng gấp đến báo Tiền Phong ở số 45 Hàm Long

và mấy đơn vị thuộc T.Ư Đoàn ở 64 Bà Triệu, 20 Phạm Đình Hổ, số 3 Hồ Xuân Hương để báo tin và huy động cán bộ đến họp.

Khi phóng xe trở về đến trụ sở chính cơ quan T.Ư Đoàn tại 55 Quang Trung (nay là NXB Kim Đồng) anh Văn Tùng thấy nơi họp đã gọn gàng. Trên sảnh tầng hai của căn biệt thự đã kê một chiếc bàn gỗ trải khăn màu trắng và lọ hoa hồng.

Khi mọi người có mặt đông đủ, anh Nguyễn Lam và anh Thừa Lương chỉ đạo sắp xếp chỗ ngồi theo thứ tự: Hàng trên dành cho các cháu thiếu nhi, con em cán bộ T.Ư Đoàn và một số cán bộ Đoàn trẻ tuổi từng là thanh niên xung phong ở Việt Bắc, Liên khu 5 và nhiều chiến trường khác nhau, cán bộ miền Nam tập kết, Thành Đoàn Sài Gòn..., còn cán bộ T.Ư Đoàn, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và cán bộ lãnh đạo thì đều đứng phía sau.

Tổng cộng có khoảng gần 60 người có mặt tại hội trường. Thấy hai cánh cổng lớn của cơ quan rộng mở hết cỡ hơn mọi ngày và không khí bài trí trang trọng, trong đầu anh Văn Tùng lóe lên ý nghĩ: “Hay là Bác Hồ đến!”. Vừa nghĩ đến đây, anh Văn Tùng chợt thấy một chiếc xe hơi 4 chỗ đã cũ màu sữa do Liên Xô sản xuất đến cổng rồi chạy thẳng vào sân. “Bác Hồ đến!” - Nhiều tiếng reo đồng thanh vang lên.

Bác bước nhanh ra khỏi xe trong bộ kaki sáng màu và đôi giày vải giản dị, dáng người hơi gầy. Bên cạnh Bác không có thư ký riêng, chỉ có anh lái xe và người cận vệ. Bác bắt tay anh Nguyễn Lam rồi khoát tay ra hiệu chưa đi lên hội

trường mà muốn đi thăm khu nhà bếp. Bác đi vòng về phía sau căn nhà chính và vào thẳng nhà ăn.

Trên sảnh khu nhà lớn đồng thanh vang lên tiếng hô: “Hồ Chí Minh muôn năm! Hồ Chí Minh muôn năm!”. Khi đó là 11 giờ, nhà ăn đang chia cơm ra từng khay để chuẩn bị bữa trưa. Bác đến bên nhóm nhân viên chia cơm thăm hỏi từng người. Bác hỏi: “Sao các cô không để lúc có người ăn đến mới chia cơm cho nóng, chia trước thì nguội hết?”.

Quay lên đến hội trường, Bác hỏi anh Nguyễn Lam: “Có mấy cháu gái ở đây?”. “Thưa Bác có 9 đồng chí ạ” - Anh Nguyễn Lam thưa. Đến bên các cán bộ nữ, Bác hỏi: “Các cháu từ đơn vị nào đến?”. “Thưa Bác, chúng cháu là thanh niên xung phong từ các chiến trường được điều về công tác tại đây ạ” - Một chị tên Sen trả lời.

Bác hỏi các cán bộ nữ có được đối xử bình đẳng như nam giới không? Cả hội trường đồng thanh trả lời: “Thưa Bác có ạ”. Bác cười vui hỏi lại: “Sao Bác hỏi các cháu gái mà tất cả lại trả lời thay cho các cháu gái?”. Cả hội trường cười vang. Không khí trang nghiêm có phần hơi “cứng” lúc đầu dường như đã tan biến mà thay vào đó là không khí chan hòa, thân mật.

Bác nói: “Đồng chí Nguyễn Lam cho Bác biết hôm nay có mặt các cháu thanh niên cả Bắc - Trung - Nam, thế là chúng ta có một gia đình đoàn kết tại đây làm Bác rất vui. Nhưng các cháu đừng quên khi Bác cháu ta ở đây thì đồng bào miền Nam đang phải đấu tranh anh dũng gian khổ để Bắc-Nam sum họp một nhà.

Vậy, các cháu phải ra sức công tác, tích cực rèn luyện để ủng hộ đồng bào miền Nam đấu tranh thống nhất nước nhà”. Bác nhìn mọi người một lượt rồi chỉ ra đằng sau cùng: “Các cháu đứng phía sau kia có nghe rõ Bác nói không?”.

Nhiều người giơ tay nói: “Thưa Bác có ạ”.

Về việc chuẩn bị Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ II, Bác căn dặn: “Bác nghe các cháu sắp khai hội*, khai hội để đoàn kết các tầng lớp thanh niên, xây dựng Đoàn để mọi mặt công tác được tốt. Bác và Trung ương đã cử đồng chí Nguyễn Chí Thanh cùng với đồng chí Nguyễn Lam chăm lo, chỉ đạo công việc này”.

Bác yêu cầu: Trước khi khai hội thì phải thực hiện dân chủ, tức là lắng nghe ý kiến đóng góp của quần chúng để suy nghĩ rồi đề ra nhiệm vụ cho sát đúng. Trong khi khai hội thì phải thực hiện tiết kiệm tránh lãng phí phô trương vì nước ta vừa trải qua chiến tranh, bị tàn phá nặng nề.

Sau khi khai hội thì phải đề ra kế hoạch thật cụ thể, kế hoạch đó phải xuống đến cấp dưới, đến cơ sở. Phải cử cán bộ đi xem xét, nơi làm tốt thì biểu dương, nơi làm chưa tốt thì phải phê bình để sửa chữa.

Với cán bộ làm việc tại cơ quan T.Ư Đoàn, Bác nói: “Bây giờ các cháu đang sống và làm việc trong điều kiện tốt hơn khi ở chiến khu và nông thôn. Vậy phải ra sức công tác.

* Tức Đại hội Đoàn, Đại hội Liên đoàn thanh niên Việt Nam .

Minh là đoàn thể thì không chỉ loay hoay nơi nhà cao cửa lớn mà phải về với quần chúng lao động”.

Nói đoạn Bác chỉ tay ra phía xóm lao động nghèo phía hồ Thiên Quang: “Các cháu thấy đó còn biết bao đồng bào lao động đang sống trong những căn nhà nghèo khổ. Vì vậy, ở ngay trong thành phố này, các cháu có thể tranh thủ những ngày nghỉ về các xóm lao động dạy chữ, hướng dẫn vệ sinh, để phòng bệnh tật, chăm sóc giúp đỡ các cháu thiếu nhi.

Như vậy, vừa có ích cho đồng bào, vừa có ích cho các cháu. Phải tranh thủ thời gian để học, học mãi. Vì sao phải học? Vì cách mạng muốn tiến lên thì người cách mạng phải học mới theo kịp không thì sẽ trở nên lạc hậu, bảo thủ. Có cháu nào có kế hoạch học tập cá nhân chưa?”.

Cả hội trường bối rối, yên lặng. Bác nói tiếp: “Nếu chưa có kế hoạch thì phải bắt đầu từ hôm nay!”. (Theo nhà sử học Văn Tùng, người có mặt tại cuộc gặp mặt này thì tại thời điểm đó, trình độ của đa số cán bộ T.Ư Đoàn là tiểu học, một số ít là trung học).

“Các cháu phải đoàn kết trong cơ quan thành một khối. Đoàn kết Bắc- Trung - Nam. Muốn đoàn kết thì phải thực hành phê bình và tự phê bình...”. Nói đến đây Bác dừng lại và gọi đồng chí cận vệ đem một túi kẹo để Bác chia cho các cháu bé. Mọi người trong hội trường dồn lại vây quanh lấy Bác...

Nguồn: Báo Tuổi Trẻ online, ngày 26/3/2008.

Tấm ván lát đường

Hôm ấy, một buổi chiều cuối hè 1958. Sau cơn mưa giông ngày hôm trước, trời vén mây cao tít, để lộ ra từng khoảng trời xanh biếc, đôi lúc có những lớp mây trắng bạc bập bênh đuổi nhau. Đó là một buổi chiều đẹp trời, mát mẻ.

Lúc bấy giờ, khu tập thể của Nhà máy Cơ khí Hà Nội còn nghèo, chưa có nhà ba tầng, đường chưa lát đá như bây giờ. Trận mưa còn để lại những vũng lầy lội. Một chiếc ô tô màu xám nhạt đi rất êm, nhẹ, dừng lại bên hàng rào nửa cạnh chiếc quán lá bán quà sáng cho công nhân. Bác đến! Lúc đó nhiều anh chị em công nhân trông thấy Bác reo ầm lên, đổ xô cả lại. Vải bộ ka ki bạc màu, đôi dép cao su đen, quai to bản, đế mỏng, Bác nhanh nhẹn bước vào khu tập thể. Anh chị em công nhân theo Bác rất đông, trong đó có một số đồng chí lãnh đạo nhà máy. Khi sắp đến một vũng nước ngay giữa lối đi, đồng chí thư ký công đoàn nhà máy vội vàng đi lấy một tấm ván kê vào chỗ lội để Bác bước lên thềm hội

trường. Bác xoa tay, vén quần và cú thể lội xuống nước cùng anh chị em công nhân bước lên thềm nhà. Sau đó, Bác dừng lại, quay về phía anh em công nhân, rồi nói với đồng chí thư ký công đoàn nhà máy:

- Các chú là người phụ trách, các chú cần phải để ý đến nơi ăn, chốn ở của công nhân hơn nữa. Không phải bắc ván chỉ cốt để Bác đi, mà phải làm sao đường sá được sạch sẽ, để khi anh chị em công nhân đi làm về khỏi phải đi vào chỗ lầy lội, bẩn thỉu ...

Nguồn: ditichhochiminhphuchutich.gov.vn

Bữa cơm trên tàu với Bác

Cuối tháng 3-1959, lần đầu Bác Hồ cùng đồng chí Nguyễn Lương Bằng và các đồng chí ở Trung ương về thăm quân chủng Hải quân đi thăm biển, các đảo thuộc vùng biển tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng. Nhiệm vụ đưa đón Bác và các đồng chí đại biểu, cấp trên tin tưởng giao cho cán bộ, chiến sĩ tàu 524. Lúc đó, không riêng gì tôi (Trần Bạch) mà tất cả cán bộ, chiến sĩ tàu 524 đều cảm thấy vinh dự và tự hào.

Hôm Bác đi thăm đảo Tuần Châu xong, Bác trở về tàu 524, đồng chí Tư Tường bàn với anh em trên tàu là sẽ mời Bác, đồng chí Nguyễn Lương Bằng và các đồng chí cùng đi ở lại ăn cơm với cán bộ, chiến sĩ trên tàu. Sau khi anh Tư Tường báo cáo nguyện vọng của anh em với Bác, Bác vui vẻ nhận lời và bảo: Để Bác xem các chú nấu ăn có giỏi không?

Hôm đó tàu cử đồng chí Hiên là người khéo tay nhất làm bếp và trực tiếp nấu nướng. Tôi và các đồng chí cùng

tham gia mỗi người một việc, từ vo gạo, nhặt rau... Ai nấy đều rất vui và chăm chú làm việc như muốn góp phần công sức của mình vào bữa ăn “chiêu đãi Bác”. Trong lúc anh em đang loay hoay nấu nướng thì Bác xuống bếp. Nhìn quanh một lượt, Bác khen bếp sạch, ngăn nắp. Bác đang xem ngăn để gia vị, hành tỏi, chợt quay lại bảo với Hiền:

- Chú nấu cơm khô rồi! Anh Tư Tường cũng quay lại. Hiền vội bớt lửa, rồi mở vung nồi ra kiểm tra. Khi đó anh em mới ngửi thấy mùi cơm khô. Anh Tư Tường và anh em trên tàu rất áy náy về việc nồi cơm bị khô. Tất cả không ai nói một lời và cảm thấy như mình có lỗi với Bác. Trong lúc mọi người chưa biết xử lý thế nào thì Bác bảo: Chắc các chú đói rồi, cơm hơi khô, không việc gì, ta ăn thôi.

Bác nói với giọng dịu dàng, khoan dung, làm xua tan đi nỗi băn khoăn, lo lắng của mọi người. Nghe theo lời Bác, mọi người vui vẻ cùng ngồi vào bàn ăn.

Lúc đó tôi không nghĩ mình được vinh dự ngồi ăn cơm với Bác. Khi nghe anh Tư Tường bảo: “Bạch lên cùng ăn cơm với Bác”, tôi xúc động không nói nên lời. Ngoài tôi ra còn có Trung sĩ Bùi Văn Đào là lính tín hiệu.

Hôm ấy danh nghĩa là tàu mời cơm Bác nhưng cũng chỉ có món thịt gà luộc, lòng gà xào miến và nước luộc gà nấu miến làm canh. Còn bàn ăn thì kê ngay ở mạn phải đuôi tàu. Bác ngồi ở phía ngoài, sát với cọc lan can. Nhìn Bác vui vẻ ăn, chúng tôi mới đỡ lo. Lúc đang ăn, Bác gọi xuống bếp: Thức ăn của ta đã nấu xong chưa hả chú? Đồng chí phục vụ

trả lời: Thưa Bác xong rồi ạ! Mang lên đây góp cùng ăn với Hải quân. Đồng chí phục vụ Bác bê lên một đĩa bốn con cá rô phi rán. Nhìn đĩa cá, Bác bảo: Ở giữa biển, Bác mời các chú ăn cá.

Sau này chúng tôi được biết bốn con cá rô phi là của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh biểu Bác, Bác dành cho bữa ăn với anh em ở tàu. Suy ngẫm về câu nói của Bác mới hay, phải chăng Bác muốn nhắc nhở sống ở khu vực có biển phải biết giăng lưới, thả câu bắt cá để cải thiện bữa ăn cho bộ đội. Ấn tượng sâu sắc nhất đối với anh em trên tàu về bữa ăn hôm đó là khi sê thức ăn cho từng người, Bác bảo: Các chú ăn cơm với Bác hoặc ăn cơm phải ăn hết thức ăn, không được để thừa, thừa đổ đi thì lãng phí, để người khác ăn thừa của mình thì không được.

Nguồn: Quảng Ninh online, ngày 02.5.2008

(Theo: “Những mẫu chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, NXB Thông Tấn, 2007)

“Bác nắm tay than bụi của chúng tôi”

Hôm ấy, Bác đáp tàu từ Hà Nội lên thăm tỉnh Lào Cai. Anh Tư được phân công phục vụ toa có Bác...

Thoạt đầu, anh đứng trên toa, nhìn xuống sân trông rõ Người. Anh đứng lên xoay mãi quả đấm cửa mà không mở được. Ngày thường anh chỉ “xoạch” một cái là đẩy rộng cửa ra. Bác đưa tay ra hiệu bảo Tư cứ từ từ, bình tĩnh. Anh thật không ngờ hôm nay được dịp thuận lợi nhất để tỏ lòng kính yêu Bác. Theo thói quen, anh đã chăm sóc toa xe sạch sẽ, bóng lộn. Cả bàn ghế cũng đã sáng loáng như gương. Thế mà anh vẫn thấy mình chưa tròn nhiệm vụ. Tư mời Bác nghỉ lưng, Bác ôn tồn bảo:

- Chú cứ để mặc Bác.

Tàu vẫn chạy như thường mà sao Tư thấy lắc lư nhiều. Tư lo cho Bác không được yên tĩnh. Mặt trời từ từ vén sương núi ngoi lên vàng chói. Bình minh ở miền trung du thật đẹp đẽ, dịu dàng. Bác từ trong toa bước ra vui vẻ hỏi anh trật tự viên:

- Chú có thể cho Bác đứng ở đầu toa ngắm phong cảnh chứ?

Anh trật tự vâng một tiếng nhẹ và cúi xuống đóng chấn song cửa cẩn thận. Tàu chạy nhanh. Vẻ mặt Bác hồng hào. Gió lùa chồm râu bạc bay lướt qua trên các cánh đồng xanh mướt và núi rừng trùng điệp. Chiếc áo nâu giản dị bay phấp phới. Bác xoay qua Tư hỏi:

- Chú đi tập kết có gia đình đi cùng không?

- Dạ thưa Bác, không ạ!

- Có nhớ vợ con không?

- Dạ có.

- Nhớ nhiều không?

- Dạ nhiều.

- Thế là tốt. Càng nhớ càng cố gắng làm việc nhé.

Bác hỏi đến cô Thọ, nhân viên trên tàu:

- Quê cháu ở đâu?

- Thưa Bác, cháu ở Hồng Quảng.

- Công tác ngành đường sắt được bao lâu rồi?

- Dạ cháu đã làm hơn ba năm...

Bác cười:

- Ở ngành nào cũng đều có mặt các cháu gái, thế là tốt.

Khi tàu đỗ, Bác đi thoăn thoắt lên đầu máy. Anh Thị lái tàu và anh em đốt than, phụ việc tay còn dầu mỡ, lấm lem,

thấy Bác đến thì luống cuống. Tất cả đứng thẳng mà hai bàn chân cứ nhấp nhồm. Bác chìa tay ra. Có anh vì tự thấy tay mình bẩn quá không dám bắt tay Bác. Bác ôn tồn bảo:

- Chính là có than bụi bám bàn tay các chú thì Bác và bà con đây mới được ngồi thành thoi mà vẫn đi đến nơi về đến chốn được.

Thế là mọi người đều mạnh dạn đưa bàn tay đen sạm nắm lấy tay Bác. Anh Thị cảm động quá giữ bàn tay Bác một hồi lâu. Bác chúc anh em kéo hàng vượt mức và đạt kỷ lục tiết kiệm than cao hơn nữa.

Ở Lào Cai, Bác lên tàu rất đúng giờ. Tàu bắt đầu chạy mà còn hai anh làm công tác báo chí và điện ảnh đến muộn, xách cặp, vác máy chạy theo vẫy gọi tàu. Bác đồng ý đề nghị của anh em công nhân đỡ tàu lại vài phút đợi. Khi hai người leo được lên tàu yên ổn, Bác mới phê bình:

- Báo chí, điện ảnh thì phải đi trước chứ. Các chú đừng để phải chạy theo sau đoàn tàu nữa nhé!

Hai anh ngồi vào toa đưa mắt nhìn nhau bên lễn. Bác đi thăm nhiều nơi: Lào Cai, mỏ A-pa-tít, cầu Làng Giàng, thị xã Yên Bái. Nơi nào cũng đồng nghệt đồng bào và công nhân nghe Bác nói chuyện. Nhất là thiếu nhi thì nhanh tay, nhanh chân hơn cả. Các em vừa hoan hô vừa đổ về phía Bác như làn sóng nhỏ cuốn vào bờ. Bác về đến Hà Nội lâu rồi mà dư âm của chuyến đi còn truyền mãi...

*Nguồn: "Hồ Chí Minh - Một huyền thoại kỳ vĩ",
NXB Lao động, 2008.*

Câu chuyện nhỏ và bài học lớn

Trong một bài hồi tưởng về cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, đồng chí Việt Phương kể lại một câu chuyện sau đây:

Vào một buổi sáng, Bác Hồ đi từ ngôi nhà sàn của Người sang Phủ Thủ tướng tìm đồng chí Phạm Văn Đồng để trao đổi về một vấn đề quan trọng. Lúc đó, đồng chí Phạm Văn Đồng đang làm việc tại Văn phòng, tuy cũng nằm trong khu Phủ Chủ tịch nhưng cách xa Phủ Thủ tướng tới vài trăm mét. Một đồng chí bảo vệ vội vã đạp xe ra báo với Thủ tướng. Vội quá, Thủ tướng dùng ngay chiếc xe đạp của đồng chí bảo vệ phóng về gặp Bác. Đồng chí bảo vệ không thể để Thủ tướng rời xa mình, mà lại không có thời gian tìm chiếc xe đạp khác, nên anh đành lập tức chạy bộ theo sau Thủ tướng. Bác Hồ đứng sẵn ở sân chờ đồng chí Phạm Văn Đồng. Khi Thủ tướng vừa xuống xe, chưa kịp chào hỏi gì, Bác đã nói ngay:

- Sao chú không đèo chú bảo vệ đằng sau xe để cùng về, lại để chú ấy chạy bộ?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng lúc đó như chợt nhận ra, vội đáp:

- Xin lỗi Bác.

Đáp vậy, nhưng sau đó đồng chí Phạm Văn Đồng đã suy nghĩ rất kỹ về lời nhắc nhở nhẹ nhàng mà nghiêm khắc của Bác Hồ. Sáng hôm sau, trong lúc làm việc với một số đồng chí cấp dưới, ông kể lại câu chuyện trên cho mọi người cùng nghe, rồi nói:

- Tôi đã nghĩ về lời của Bác. Lòng nhân ái, thương yêu và kính trọng con người, phải chân thực từ trong tâm của ta, rồi tự nhiên bật ra thành thái độ và hành động, chẳng phải suy nghĩ gì, như là từ bản năng.

Câu chuyện trên đây gợi cho chúng ta một số bài học lớn, có ý nghĩa sâu sắc.

Thứ nhất, ngay cả những nhà lãnh đạo cao cấp nhất cũng luôn luôn cần trau dồi đạo đức, bồi bổ nhân cách và rèn luyện phong cách ứng xử sao cho thực sự nhân ái, xứng tầm. Ai cũng biết Thủ tướng Phạm Văn Đồng là một trong những nhà lãnh đạo lỗi lạc của Đảng, Nhà nước ta. Ông không những được nhân dân ta rất kính trọng, yêu mến mà còn được cộng đồng thế giới thừa nhận như một nhà lãnh đạo thông tuệ, lịch thiệp, giỏi giang. Thế mà, tuy ông là Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn chú ý nhắc

nhỏ, phê bình để giúp đồng chí Phạm Văn Đồng ứng xử cho đúng.

Ở đây ta thấy nét rất đẹp của Bác Hồ trong vai trò của người thầy, và Thủ tướng Phạm Văn Đồng với tư cách người học trò. Thầy không ngăn ngại chỉnh sửa, chỉ bảo học trò theo một cách vừa nhân hậu, nhẹ nhàng, nhưng cũng đủ nghiêm khắc để trò nhận thức được điều thầy cần chỉ bảo. Về phía mình, học trò là người thực sự cầu thị, thành thực, nghiêm túc tiếp thu sự chỉ bảo của thầy, suy ngẫm kỹ càng, không hời hợt qua loa mà ghi tâm, khắc cốt, qua đó mà hoàn thiện nhân cách của mình.

Ngày xưa, ngày xưa, Đức Phật Tổ và Đức Khổng Tử cũng dùng phương pháp này để rèn dạy, trao truyền tâm ấn cho học trò. Ngày nay thiết tưởng vẫn cần, rất cần những sự chỉ dẫn - học hỏi như vậy, nhất là đối với các bậc, các cấp lãnh đạo, nếu như họ không muốn trở thành những người “vác mặt quan cách mạng” - như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng cảnh báo.

Thứ hai, là bài học về lòng nhân ái. Bài học này Thủ tướng Phạm Văn Đồng suy ngẫm và rút ra từ câu chuyện nói trên. Theo Thủ tướng thì lòng nhân ái, thương yêu và kính trọng con người không phải là cái gì có thể ngụy tạo theo kiểu “giả nhân giả nghĩa” để mị dân, mà phải chân thực từ trong tâm của ta, rồi tự nhiên bật ra thành thái độ và hành động, chẳng phải suy nghĩ gì, như là từ bản năng. Đây là một nhận thức rất sâu sắc về đạo đức cách mạng. Lòng nhân ái

phải thực sự trở thành cốt lõi, thành điểm tựa cho nhân cách của một nhà lãnh đạo chân chính. Chỉ khi đó tình thương yêu và kính trọng con người mới phát từ trong tâm mà ra, hòa quyện vào trong ứng xử hàng ngày của nhà lãnh đạo một cách hết sức tự nhiên. Như vậy thì lòng nhân ái không thể là cái gì có thể “chế tác”, ngụy tạo một cách giản đơn và chỉ có lòng nhân ái chân thực mới tạo nên uy tín, tạo nên sức thu hút quần chúng và nâng cao tầm của nhà lãnh đạo. Ngược lại, nhà lãnh đạo phải hiểu thấu đáo được cội rễ của lòng nhân ái, mới biết yêu thương và kính trọng con người.

Thứ ba, là bài học về mối quan hệ giữa lãnh tụ với nhân dân. Đây chính là điều mà Bác Hồ đã quán triệt cho các học trò của Người ngay từ những ngày đầu của sự nghiệp cách mạng rằng “công nông là gốc gác mệnh”. Đặc biệt là từ sau khi Đảng ta trở thành một “đảng cầm quyền” thì Người càng đặc biệt chú trọng đến việc giáo dục cho cán bộ, đảng viên, trí thức ý thức gần dân, thực sự thương yêu và kính trọng nhân dân. Ngay trong tháng đầu tiên của chính quyền cách mạng mới ra đời; ngày 17 tháng 10 năm 1945 Người đã viết Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, huyện và làng yêu cầu cán bộ ta khẩn trương, nghiêm túc rút kinh nghiệm, gột rửa những sai phạm. Hai năm sau, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Pháp đang trải qua giai đoạn rất khốc liệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn dành thời gian biên soạn cuốn sách “*Sửa đổi lối làm việc*” để nghiêm khắc vạch ra những sai phạm trong đạo đức và phong cách lãnh đạo, làm việc của cán bộ các cấp, đồng thời chỉ ra những phương hướng và biện pháp cụ thể để khắc

phục. Người cho rằng đạo đức của một người cán bộ, đảng viên phải gồm đủ cả Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm; rằng “sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng”, nhưng “tuyệt đối không theo đuôi quần chúng”.

Có thể nói tác phẩm trên đây là những chỉ dẫn sâu sắc và mẫu mực của Hồ Chí Minh về đạo đức và phong cách lãnh đạo, ngày nay vẫn còn nguyên giá trị.

Việt Đức

Nguồn: Bản tin ĐHQG Hà Nội - số 178, tháng 12/2005.

Bác Hồ đọc sách báo

Năm 1923, nhà thơ Nga Ôkíp Mandenxtam đã nói với thế giới rằng: từ Nguyễn Ái Quốc tỏa ra một nền văn hóa của tương lai. Trên nền tri thức cơ bản của một học sinh Quốc học Huế, trên hành trình dẫn thân đi tìm chân lý, bàn chân của Bác Hồ đã in trên khắp các châu lục. “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn”, nhất là một người chịu học, chịu đọc và thông tuệ như Bác, thì sự tiếp thu những tinh hoa thế giới để tỏa sáng một nền văn hóa của tương lai như Ôkíp Mandenxtam tiên đoán, lại là lẽ đương nhiên.

Khi trở thành lãnh tụ Đảng, vị Chủ tịch đứng đầu Nhà nước, Bác vẫn tiếp tục đọc sách báo, không chỉ nhằm nâng cao sự hiểu biết mà còn để nắm bắt thông tin trong và ngoài nước... Những người từng làm việc, từng phục vụ và giúp việc cho Bác Hồ đều thán phục trước sự ham đọc sách báo của Bác. Đọc sách báo như một nhu cầu, nếp quen trong sinh hoạt hàng ngày không thể thiếu được của Bác.

Thời gian còn khỏe, Bác đọc báo, bản tin vào ban ngày và vào các buổi tối sau 9 giờ. Bác có thói quen khi đọc, ngón tay đưa theo dòng, mắt dõi theo, chỗ nào có vấn đề chú ý thì dùng tay ghi chép hoặc đánh dấu để dễ nhận biết những chỗ cần chú ý, những số liệu và thông tin cần xử lý. Đọc báo, thấy gương người tốt muốn thưởng Huy hiệu, Bác dùng bút bi hoặc bút chì màu đỏ khuyên vào. Chỗ nào cần lưu ý, Bác đánh dấu gạch chéo (/); đánh dấu bằng chữ X và gạch chéo (X/) là chú ý dòng; (!) là lạ; có vấn đề chưa rõ ràng, còn nghi ngờ, Người đánh dấu chấm hỏi (?) và yêu cầu Văn phòng xác minh lại. Đoạn nào cần xem kỹ, Bác đánh dấu gạch chéo và chấm phẩy (/;). Đã xem xong, Bác viết chữ V... Các đồng chí phục vụ cứ nhìn vào các ký hiệu đó là hiểu và thực hiện theo ý của Người. Bác cũng hay dùng chữ Hán để đánh dấu. Chữ Hán viết dọc, những chỗ lẻ nhỏ, viết chữ Hán không đè lên chữ của sách báo, điều quan trọng hơn là chữ Hán giữ được nội dung mà Bác lưu ý. Có những lúc Bác trích tư liệu vào cuốn sổ nhỏ cũng bằng chữ Hán, những tư liệu này Bác sử dụng để viết báo.

Tuổi Bác ngày một cao, để bảo vệ giữ gìn đôi mắt của Bác, Văn phòng Phủ Chủ tịch cử các cán bộ phục vụ như Vũ Kỳ, Cù Văn Chúc, Lê Hữu Lập... đọc sách báo cho Bác nghe. Người sau này gần bó nhiều nhất với Bác là chú Cù Văn Chúc (từ năm 1962 cho đến khi Bác ốm nặng). Chú Chúc thường đọc sách, báo và các bản tin của Thông tấn xã và Bộ Ngoại giao, được Bác tin nhiệm cao. Để cho Bác đỡ phải nghe nhiều, chú Chúc thường đọc tóm tắt nêu những

ý chính những vấn đề quan trọng nhất. Chú đọc rõ ràng, truyền cảm. Nhất là khi tuổi Bác đã cao, thính giác suy giảm thì ngữ điệu phải thật phù hợp, đòi hỏi người đọc phải nhạy cảm và hiểu ý của Bác. Thường thì mỗi ngày chú đọc phục vụ Bác vào các buổi sáng, trưa, chiều, tối. Ngày chủ nhật đọc vào buổi sáng và tối, và chỉ đọc các báo địa phương gửi biểu Bác. Qua các tin bài báo địa phương phản ánh, Bác phát hiện ra những gương người tốt việc tốt, yêu cầu Văn phòng xác minh và tặng Huy hiệu. Khi đọc báo vào buổi tối, chú Chúc chọn những vấn đề có nội dung nhẹ nhàng để Bác nghe cho đỡ căng thẳng. Những vấn đề dễ gây xúc động thì đọc vào ban ngày. Bác chú ý nghe đến mức phát hiện được cả chỗ viết sai, sửa cả cách dùng từ và lỗi chính tả. Có những chỗ Bác yêu cầu đọc lại nhiều lần để hiểu cho kỹ. Chú Cù Văn Chúc cũng là người được Bác giao cho nhiệm vụ cắt những bài báo phản ánh về gương người tốt việc tốt dán thành từng chuyên đề gương về chiến đấu, sản xuất, thiếu nhi học giỏi dũng cảm... Sau này Bác chỉ đạo ông Hà Huy Giáp, Phan Hiến in thành các tập sách “*Người tốt việc tốt*”.

Sách Bác đọc có nhiều thể loại. Nguồn sách báo gửi tới để Bác sử dụng có từ nhiều nguồn khác nhau. Sách biểu của các tác giả gửi tặng, sách biểu của những cá nhân và tổ chức nước ngoài tặng Bác qua Bộ Ngoại giao hoặc các đoàn của ta đi công tác, các nhà xuất bản gửi biểu... Sách báo đọc xong, Bác thường gửi tới các nơi cần sử dụng. Những sách báo cần làm tư liệu, Bác giữ lại, nhưng sử dụng xong lại gửi đi. Vì vậy, Bác không có thư viện riêng. Những cuốn sách,

tờ báo khi Người qua đời còn lưu lại tại nhà 54, nhà sàn là những báu vật vô giá. Sách, báo đã trở thành món ăn tinh thần và phương tiện thông tin không thể thiếu được của một con người vĩ đại như Bác Hồ kính yêu.

*Nguồn: Báo Thái Bình ngày 23/4/2012,
(Theo báo Lao Động)*

Bách niên giai lão

Ngay từ phút đầu, Bác đến Đại hội “Những người viết báo” lần thứ 2, không khí đã sôi nổi và tươi vui. Có thể nói hội trường hôm ấy vang tiếng cười thỏa thuê từ đầu buổi đến cuối buổi. Riêng tôi, và một số bạn khác, chúng tôi cười đến chảy nước mắt. Hôm ấy Bác vui lạ. Bước lên bục nói chuyện. Bác để chồng báo xuống và giơ hai tay ra hiệu bảo chúng tôi ngồi xuống, rồi Bác nói rất dí dỏm:

- Mời toàn thể “an tọa”!

Bác nhấn mạnh chữ “an tọa” cho vui nhưng thực ra tôi hiểu là Bác có ý bảo rằng những người viết báo là lính dùng từ như vậy. Chắc mọi người cũng hiểu thế, cho nên nghe Bác nói cả hội trường âm vang tiếng cười.

Bác nói, mọi việc đồng chí Trường Chinh và anh Hoàng Tùng đã nói đầy đủ. Bác chỉ nói về nghiệp vụ thôi. Chúng tôi chăm chú nghe Bác nói về kinh nghiệm của Bác hồi viết báo ở Pháp, chuyện Bác dày công luyện tập khi viết một bài từ ngắn đến dài, rồi từ dài đến ngắn,...

Nhận xét về báo chí của ta, Bác khen là đã đạt được thành tích rất đáng kể. Bác vui vẻ nhận xét tỉ mỉ một số nhược điểm, khuyết điểm của các báo trong việc trình bày, trong văn phong, chạy tít, đưa ảnh ... Mấy phút im lặng, Bác lấy ra một tập báo mà Bác mang theo, đã đánh dấu sẵn. Chúng tôi hồi hộp chờ đợi, lo lắng, không biết báo mình, bài mình có “được” nêu lên không? Bác cầm một tờ báo hàng tuần có in ảnh một nữ công nhân đang ngồi, ảnh cỡ lớn, chiếm toàn bộ trang nhất. Bác giơ cao cho mọi người xem rồi hỏi:

- Cô này đang ngồi làm gì đây?

Chúng tôi cũng chịu. Chỉ biết đó là một cô công nhân cũng khá xinh, để trang nhất cũng đẹp. Thế là Bác chỉ cho biết, dùng một bức ảnh trên báo phải hết sức chú trọng nội dung, không được dễ dãi.

Quay sang một tờ báo bạn, Bác nói:

- Các chú là nhiều danh từ lắm! Thế “không phận” là gì?

- Thưa Bác, là ... là vùng trời ạ!

- Thế gọi là “vùng trời” có phải ai cũng dễ hiểu hơn là dùng chữ “không phận” không?

- Thưa Bác, dạ đúng như vậy ạ!

Bác cười, khỏ tay cho ngồi xuống, Bác nói thêm:

- Các nhà báo phải có trách nhiệm, đừng để cho tiếng mẹ đẻ chúng ta mỗi ngày một mai một đi.

Bác lại lấy dẫn chứng:

- Chúng ta có hai chữ “về vang” rất hay, lại không dùng, chỉ thích chữ “vinh quang”. Nhiều người làm thơ lại gọi là “quang vinh” cho nó hợp vần!

Bác lại lấy ra những tờ khác. Trên trang nhất tờ báo hàng ngày ấy có đưa tin về hai đoàn đại biểu trong các nước xã hội chủ nghĩa cùng một ngày đến thăm nước ta. Bác chỉ vào đấy và phân tích:

- Như thế này là các chú bên trọng bên khinh. Hai đoàn cùng ngày tại sao lại đưa đoàn này lên trên, in chữ to, còn đoàn kia in chữ nhỏ, sắp ở dưới!

Thật là sáng mắt! Bác còn chỉ rõ những chỗ sai lầm làm lộ bí mật về tài nguyên của quốc gia trong việc tuyên truyền trên báo. Đối với các báo chưa chú ý đầy đủ đến đối tượng của mình phục vụ, cũng được Bác nhắc nhở nghiêm khắc. Đến phần “điểm báo” địa phương, Bác kể cho nghe một câu chuyện mà không ai nhịn cười được. Nhân ngày sinh nhật Bác, tờ báo ở địa phương nọ có đăng một số thư của đồng bào chúc mừng Bác. Có đồng bào muốn chúc Bác mạnh khỏe sống lâu, lại viết là “chúc Bác Bách niên giai lão”. Tờ báo ấy đăng nguyên văn như vậy.

Bác cười và nhắc lại với mọi người:

- Họ chúc Bác “bách niên giai lão” mà báo cũng đăng đấy!

Cái câu chúc mừng dành riêng cho cô dâu chú rể trong buổi thành hôn ấy, bỗng lại dành chúc thọ Bác làm mọi người càng cười dai dẳng. Thật chết cho cái bệnh sinh chữ nghĩa.

Bác Hồ thăm nông dân chống hạn

Vào một buổi sáng hè (tháng 6-1960), sau khi dự Đại hội đoàn kết chống hạn tại Ứng Hòa - Mỹ Đức xong, Bác ra cánh đồng thôn Thái Bình, xã Vạn Thắng (Ứng Hòa) thăm nông dân chống hạn.

Những năm ấy, vì hệ thống mương máng, thủy lợi chưa có là bao nên bà con nông dân rất vất vả, nắng quá thì hạn, mưa nhiều thì úng. Đời sống của hàng triệu nông dân chỉ trông chờ vào đồng ruộng, thật bấp bênh.

Hôm ấy, Bác mặc quần áo gụ, đội mũ lá cọ, chân đi dép cao su, quần xắn trên đầu gối, khăn vắt trên vai, tay chống gậy đi ra cánh đồng thăm bà con nông dân đang tát nước.

Mới 10 giờ mà trời nóng như đổ lửa, chúng tôi - những cán bộ đi theo cũng thấm mệt, mồ hôi vã như tắm tràn xuống mặt giàn giụa, tràn vào miệng mặn chát. Bác đi rất nhanh. Mặc dù đường sống trâu, Bác vẫn thoăn thoắt đặt chân trên

các gỗ dặt cách nhau 30-40cm một cách nhẹ nhàng như một lão nông dân thực thụ. Đến đầu một con mương, đồng chí Chủ tịch tỉnh Hà Đông thấy bờ mương hẹp khó đi, vội chạy lên trước để mời Bác đi theo đường chính. Bác xua tay và rẽ vào bờ mương để đến chân ruộng bà con đang lao động giữa cánh đồng bị hạn. Tất nhiên chúng tôi phải đi sau và cố hết sức mới kịp. Đến một chỗ bờ mương bị xẻ ra chừng 1,5m để tát nước gần đấy, đồng chí Chủ tịch tỉnh lại chạy lên định dắt Bác, chưa kịp thì Bác đã nhảy phắt qua hố và rẽ sang bên kia. Những người theo sau, người thì nhảy qua được, người thì phải men xuống ruộng để qua.

Thấy Bác đến, lại còn mặc như lão nông, bà con vui mừng bỏ cả gầu đổ xô lại vây quanh Bác rất đông. Có cháu thiếu niên 14, 15 tuổi len đến bên Bác, đưa tay lên vuốt râu Bác. Bác thân mật thăm hỏi mọi người, bắt tay bà con rồi nói bằng giọng miền Bắc pha xứ Nghệ ấm áp:

- Thuở nhỏ, đã nhiều năm tôi sống với bà con hàng xóm làm nông nghiệp, tôi hiểu nỗi cơ cực của bà con khi trời hạn hán. Bây giờ chúng ta có chính quyền, bà con đã làm chủ ruộng đồng, gặp lúc thiên tai phải cùng nhau đoàn kết chống hạn, cứu lúa.

Mọi người “Vâng ạ!” thật rõ và to. Sau đó Bác lên đập guồng cùng với một bác nông dân ngoài 50 tuổi để bác nông dân guồng đỡ vất vả và được nhiều nước. Bác căn dặn chính quyền thôn xã tích cực huy động bà con biết nghề mộc xẻ gỗ để đóng guồng.

Bà con hỏi Bác đủ thứ chuyện. Bác đều trả lời thân mật, dễ hiểu. Trước khi chia tay với bà con nông dân, Bác đã đọc hai câu thơ:

*“Hỡi ai bưng bát cơm đầy,
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần”.*

Mọi người xúc động đứng mãi tại nơi đã gặp Bác, vẫy chào tạm biệt.

Nguồn: Trang tin ditichhochiminhphuchutich.gov.vn

Quà Bác tặng miền Nam

Năm 1962, đồng chí Nguyễn Văn Hiếu dẫn đầu đoàn đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra thăm miền Bắc.

Bác Hồ đã tổ chức đón tiếp ngay hôm đoàn đến Hà Nội, tại vườn hoa sau Phủ Chủ tịch - nơi Người thường đọc báo vào các buổi chiều.

Thấy đoàn xe chở đoàn miền Nam vừa vào khỏi cổng cơ quan Phủ Chủ tịch, Bác rào bước ra đón đoàn. Mọi người xuống xe, quây tròn chung quanh Bác, nhưng không có một tiếng, một lời chào. Các đồng chí trong đoàn quá xúc động không kìm giữ được, đã bật khóc thành tiếng.

Qua phút gặp gỡ ban đầu, Bác hỏi thăm tình hình sức khoẻ mọi người. Bác hỏi cận kề về tình hình miền Nam. Bác đặc biệt quan tâm hỏi tỉ mỉ về đời sống và tinh thần chiến đấu của đồng bào và lực lượng vũ trang giải phóng.

Đồng chí Nguyễn Văn Hiếu thay mặt đoàn báo cáo tất cả và đầy đủ để Bác nghe. Đồng chí cũng đã thưa lên Bác ước mơ nguyện vọng của đồng bào, chiến sĩ miền Nam

đang mong chờ ngày thắng lợi, nước nhà thống nhất, để đón Bác vào thăm. Cuối cùng đồng chí Hiếu thay mặt đồng bào và chiến sĩ miền Nam dâng lên Bác gói quà với giọng nghẹn ngào:

“Thưa Bác, đây là tấm lòng của đồng bào chiến sĩ miền Nam tặng Bác...!”.

Bác cảm động ôm hôn đồng chí Hiếu.

Quà của miền Nam tặng Bác là một bình cắm hoa bằng vỏ đạn pháo cỡ lớn của Quân giải phóng và một cái gạt tàn thuốc lá bằng xác máy bay giặc Mỹ bị ta bắn rơi.

Nhìn gói quà tặng, đồng chí Xuân Thủy quay về phía Bác nói:

- Thưa Bác, Bác có quà tặng đồng bào chiến sĩ miền Nam không ạ?

Nghe đồng chí Xuân Thủy hỏi, tất cả mọi người nhìn đồng chí Xuân Thủy như có ý trách và nhìn Bác chờ đợi. Bác nhìn các đồng chí trong đoàn miền Nam một lượt, rồi chậm rãi nói:

- Có, Bác có quà tặng đồng bào và chiến sĩ miền Nam đây!

- Nói xong, Bác dùng ngón tay trở chỉ vào trái tim của mình.

Đồng chí Hiếu quá cảm động ôm chầm lấy Bác, giọng nói đứt quãng trong tiếng nức: “Thưa Bác... thưa Bác... thưa Bác...!”.

Nguồn: Trang tin điện tử Ban Quản lý lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bác làm văn nghệ

Hồi còn nhỏ, ở miền Nam, mỗi khi nghe các cô, các chú hoặc bà tôi kể chuyện Bác Hồ thì dù đang ham chơi hay làm bất cứ gì chúng tôi cũng kêu nhau chạy lại, chạy đến xúm quanh người lớn và chăm chú lắng nghe và nuốt lấy từng lời. Đã có lần, chúng tôi bàn nhau viết một lá thư ra Bắc mời Bác vô thăm miền Nam để chúng tôi được tận mắt thấy Bác, nhưng rồi mong mãi, “Bác ở xa lắm, các con cứ chịu khó chăm học ngoan ngoãn, nhất định có ngày Bác sẽ vô”. Bà tôi nghe chuyện phì cười và dặn chúng tôi như vậy.

Những ngày ra miền Bắc, chưa được gặp Bác nhưng tôi vẫn nhớ lời bà tôi dặn và hy vọng thế nào cũng có ngày đạt được ước mơ đó. Nhưng thật không ngờ, cuối năm 1962 tôi được gặp Bác trong một trường hợp đặc biệt, vượt rất xa mơ ước trước đó của tôi. Cho đến nay, và mãi mãi về sau này, đó vẫn là niềm vui sướng, vinh dự quá lớn đối với tôi và mỗi lần nhớ lại, tôi không khỏi bồi hồi xúc động.

Lần ấy, tôi dự Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba. Được đi dự Đại hội Văn nghệ toàn quốc đối với một diễn viên mới bước vào nghề như tôi là đã là một điều vô cùng phấn khởi lại thêm hy vọng sẽ được gặp gỡ Bác ở Đại hội làm cho tôi cứ náo nức không yên. Ngày 1 tháng 12, ngày cuối cùng của Đại hội. Bấy giờ vừa sau giờ nghỉ giải lao, chuông đã rung được mấy phút nhưng lễ tế còn có đại biểu chưa vào hết hội trường. Bỗng ngoài hành lang có tiếng xôn xao rồi có tiếng reo “Bác đến! Bác đến!”. Chỉ một loáng cả hội trường ào lên như sóng. Đồng chí Trường Chinh nhanh nhẹn đứng dậy ra đón Bác ở cầu thang. Tiếng reo mừng, tiếng hoan hô “Bác Hồ muôn năm!” cứ vang lên cho đến lúc Bác giơ tay ra hiệu cho chúng tôi ngồi xuống và ổn định trật tự để Bác nói chuyện. Người tôi nóng bừng lên, chú Võ Hồng Cương đưa cho tôi một bó hoa mà tôi cứ lúng túng không biết làm gì. Nhiều đại biểu được mang hoa lên tặng Bác cũng lúng túng không kém. Bác nhìn chúng tôi và hỏi:

- Tặng hoa à? Tặng hoa phải đi nhanh lên chứ?

Cả hội trường lại vang lên tiếng cười reo. Câu nói đầu tiên của Bác làm không khí Đại hội thêm vui vẻ đầm ấm hẳn lên. Chúng tôi cũng phấn khởi, lấy lại bình tĩnh ôm hoa chạy về phía Bác.

Bác lại hỏi:

- Không mấy khi được gặp đồng đủ thế này. Bác muốn bắt tay tất cả, nhưng không có thì giờ. Vậy Bác bắt tay đại biểu thôi. Đại biểu nào cao tuổi nhất nào? - Bác

cười và nói thêm - Bác nói tuổi cao nhất không phải già nhất đâu nhé!

Tiếng cười reo lại vang lên, họa sĩ Nguyễn Phan Chánh chạy lại.

- Đại biểu nào ít tuổi nhất - Bác hỏi tiếp.

Tôi giật thót mình, vì trong đại hội, tôi được xem là người ít tuổi nhất.

Nhưng lúc ấy hình như tôi vẫn chưa dám tin là được Bác gọi.

Chú Bảo Định Giang kéo tay tôi dẫn về phía Bác rồi nói.

- Thưa Bác, cháu Trà Giang đây, người miền Nam - trẻ nhất Đại hội đấy ạ!

Tôi dâng hoa lên Bác mà chân tôi cứ run run, Bác hôn lên trán tôi rồi hỏi:

- Phải cháu là người trẻ nhất Đại hội không?

- Dạ. Tôi đáp lí nhí vì niềm vui và xúc động nghẹn ngào.

- Trẻ mà có thành tích thì cháu càng phải chăm học và nhất là phải hết sức khiêm tốn.

- Dạ - Tôi chỉ biết đáp vậy và nước mắt muốn trào ra.

Trong giây phút đó, lời căn dặn của Bác tôi thấy thấm thía vô cùng. Tôi nhớ đến nội, đến bà con, cô bác và các bạn tôi đang ở miền Nam. Tôi đâu có thành tích đáng kể gì

đầu. Bước đầu tuy có chút thành công, nhưng nhìn lại thấy mình còn yếu nhiều mặt. Thành tích ấy có thấm thía vào đầu với những hy sinh của bà con, bạn bè, cô bác miền Nam bao nhiêu năm đấu tranh phá ách kềm kẹp của địch. Thế mà trong đó vẫn chưa ai được thấy Bác Hồ như tôi bây giờ... Lại được nghe Bác nói và được Bác hôn nữa! Trời ôi, lúc này tôi thèm có đôi cánh quá! Tôi sẽ bay vút về trong đó khoe với chúng bạn, tụi nó sẽ điên lên vì sung sướng cho tôi mất, nhất là con Sáng thân yêu của tôi. Giờ này tụi nó ở đâu? Có được? Có còn đi học không? Có còn nguyên vẹn cả không? Tôi thấy thương và nhớ chúng nó quá.

Bác lại hỏi và bắt tay lần lượt các đại biểu miền Nam, đại biểu miền núi.

Sau đó, Bác bắt đầu nói chuyện với Đại hội. Bác hỏi:

- Có bao nhiêu bản tham luận tất cả?

- Thưa Bác, chín mươi chín ạ. Một đồng chí đáp. Bác cười:

- Thế này là vừa đúng một trăm. Nhưng các cô chú đừng sợ, chỉ có ba trang thôi! Bác cầm tờ giấy giơ lên trước mặt, cả hội trường lại cười reo vui vẻ.

Bác nói tiếp:

- Bác nêu một kinh nghiệm cũ. Trong thời thanh niên
- Bác hạ giọng nói thêm - Giờ Bác cũng vẫn còn là thanh niên – Bác hoạt động cho Đảng, Bác phải làm nhiều nghề. Làm ảnh, làm bếp. Đây có ai làm bếp không? Cũng có khi

Bác làm văn nghệ, Bác viết một cuốn tiểu thuyết, nói thực là một quyển tiểu thuyết về cách mạng tháng Mười Nga. Bác viết, đồng chí Hồ Tùng Mậu in. In bằng đất. Rồi phát hành bao nhiêu? Một quyển. Mấy quyển nữa thì cảnh sát Anh tịch thu hết. May nó tịch thu tiểu thuyết mà không tịch thu được người viết vì hai anh em (Bác và Hồ Tùng Mậu) đi vắng. Vừa đây mới nghe đồng chí Tố Hữu nói có xem quyển ấy. Vậy là một quyển tiểu thuyết phát hành được một quyển, được một người xem! Đó là một “thành công” về tiểu thuyết của Bác đấy! Bác lại viết một vở kịch đả kích Khải Định, bừ nhìn của thực dân Pháp. Viết bằng chữ Pháp. Thế mới gan chứ. Diếc không sợ súng mà! Viết xong thì Bác phải đi. Sau này “Câu lạc bộ ngoại ô” có đem ra diễn. Thành công, thất bại thế nào, Bác cũng không biết. Đó là “thành tích” Bác viết kịch. Rồi Bác cũng diễn kịch nữa đấy!

Các đại biểu sân khấu và điện ảnh ồn ào vui vẻ. Tôi bật reo lên: “Bác cũng có lúc làm diễn viên!”, điều ấy đối với chúng tôi thật là thú vị biết chừng nào!

Bác cũng cười và kể tiếp:

- Ở Pháp có một nhóm văn nghệ tiến bộ. Họ viết một kịch bản đả kích thực dân. Bác sắm một vai, ra sân khấu không đầy một phút. Diễn xong, anh em bắt tay khen: “Đồng chí diễn khá lắm!”. Rồi thù lao một cốc cà phê!

Cả hội trường cười rộ, vỗ tay. Ngừng một lát, Bác nói tiếp:

- Kinh nghiệm thế nào? Trước cách mạng, muốn sống

phải lao động chân tay, chứ làm văn nghệ thì ba lần làm văn nghệ. Bác chỉ được uống một cốc cà phê thôi!

Bác nói chuyện thật giản dị mà rất dễ nhớ. Tôi nhớ nhất những lời Bác nói về sân khấu và điện ảnh dưới thời đất nước ta còn bị nô lệ:

- ... Nghề múa hát chỉ là một thứ tiêu khiển cho bọn “ngồi mát ăn bát vàng”. Chúng còn khinh rẻ và gọi những nghệ sĩ múa hát là “xướng ca vô loài”. Hồi đó chỉ có chiếu bóng câm, bọn thực dân Pháp dùng chiếu bóng để bôi nhọ dân tộc ta. Thí dụ, trong hội chợ ở Mác-xây, ngoài những tranh vẽ lũ công khanh Việt Nam đang lúc nhúc lạy quỳ trước vua bù nhìn cùng chó ngao toàn quyền, khâm sứ, ngoài những công nhân trần trụi kéo xe thuê, còn chiếu phim những bà già ăn trâu, răng đen, những công nhân gầy gò rách rưới, những người đóng khổ đang leo dừa ... Chúng gọi là “hình ảnh An Nam”. Rõ ràng là dân tộc bị áp bức, thì văn nghệ cũng mất tự do. Văn nghệ muốn tự do thì phải làm cách mạng.

Bác khuyên nhủ và động viên những người làm công tác văn nghệ bây giờ phải cố gắng nhiều vì đã có điều kiện rất thuận lợi để phát triển tài năng. Quần chúng đang chờ đợi những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại vẻ vang của chúng ta. Những tác phẩm ca tụng chân thật những người mới, việc mới, chẳng hạn những người làm gương mẫu cho chúng ta ngày nay, và còn để giáo dục con cháu ta đời sau.

... Bác về rồi mà những cảm xúc của giờ phút được

gần Bác vẫn dào dạt trong lòng tôi. Những lời dạy bảo ân cần của Bác vẫn âm vang trong tâm trí tôi. Nếu như trước kia, tôi chỉ biết yêu Bác qua những sách, báo mà tôi đã học, qua những mẫu chuyện bà tôi, các cô, chú đã kể, những tấm ảnh mà tôi đã chăm chú nhìn từng sợi râu của Bác... thì giờ đây, lòng yêu kính của tôi đối với Bác được nhân lên gấp bội, sâu sắc hơn, cụ thể hơn. Bác đã trực tiếp dạy tôi “phải hết sức khiêm tốn”. Tôi hiểu, ở công tác của tôi không phải là dễ dàng thực hiện tốt lời Bác dạy, nhất là khi tuổi đời và tuổi nghề còn non nớt.

Sống giản dị, khiêm tốn, suốt đời cống hiến cho cách mạng, không suy bì tính toán cho cá nhân mình. Đây là bài học rất lớn đối với tôi qua cuộc đời của Bác. Bài học này tôi càng thấm thía hơn khi được gặp Bác lần thứ hai.

Lần ấy, sau Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba khoảng một năm, tôi lại có may mắn lớn là được cùng với một số bạn vào thăm nơi Bác ở. Điều làm chúng tôi yên tâm và mừng nhất là thấy Bác vẫn khỏe, da Bác vẫn hồng hào, mọi cử chỉ của Bác đều nhanh nhẹn, dứt khoát.

Khi anh Kỳ giới thiệu đến tôi thì Bác gật đầu bảo nhớ rồi. Bác gọi tên tôi và hỏi:

- Đạo này cháu làm gì?
- Dạ thưa Bác, cháu được đi học lớp lý luận nghiệp vụ ạ.
- Không tự kiêu chứ?
- Dạ thưa Bác, không ạ.

- Thế là tốt!

Bác cười, xốc lại chiếc áo khoác ở vai và dặn tiếp:

- Các cháu còn trẻ, phải chịu khó học và nhất là phải hết sức khiêm tốn học kinh nghiệm tốt của những người đi trước.

- Dạ - Tất cả chúng cháu đều “dạ” và chăm chú nhìn không bỏ sót một cử chỉ nào của Bác. Bác cho chúng tôi đi xem phim. Thật sung sướng cho tôi, khi xem phim tôi được ngồi gần Bác. Suốt buổi chiều, thật ra tôi chẳng xem được mấy vì phần nhiều là nhìn Bác. Tôi có cảm giác là tuy Bác khỏe, nhưng tóc Bác đã bạc thêm nhiều. Nhớ lại những lần Bác nhắc đến miền Nam: “Miền Nam trong tim tôi”, “Ngày nào Tổ quốc chưa thống nhất. Bắc Nam chưa sum họp một nhà thì tôi còn ăn chưa ngon, ngủ chưa yên”, lòng tôi cứ nao nao vì thương Bác. Bác vẫn chăm chú xem, thỉnh thoảng lại hỏi chuyện tôi. Tôi nhớ hôm ấy có chiếu một bộ phim tài liệu của Liên Xô. Khi trên màn ảnh xuất hiện cảnh Đại hội ở điện Krem-lanh thì Bác nói với tôi:

- Công trình xây dựng của công nhân Liên Xô thật vĩ đại phải không cháu?

- Dạ - Rồi tôi khoe với Bác (mới vừa qua, tôi dự Đại hội liên hoan điện ảnh quốc tế ở Mátxcova) - cháu đã được đặt chân đến cung điện lịch sử này.

Bác gật đầu hỏi:

- Thế cháu có thích không?

- Dạ thích - Rồi tôi lại nói luôn với Bác cảm giác ngỡ ngàng, có phần tự ti của một người mới ra nước ngoài lần đầu, đứng trước đám đông của gần năm mươi nước đến dự lễ khai mạc Đại hội. Quả tình là đối với tôi lúc đó, cái gì cũng mới lạ, bỡ ngỡ: những công trình kiến trúc đồ sộ, những cảnh bài trí choáng lộn, những kiểu ăn mặc đủ màu sắc mới lạ... Lúc ấy, trên màn ảnh cũng hiện ra quang cảnh đại hội, có cả tôi trong đó. Bác hỏi:

- Họ sang hả cháu?

- Dạ thưa Bác, họ sang và diện lắm Bác ạ. Còn mình thì chẳng có gì. Hôm khai mạc Đại hội, người đông mà họ ăn mặc sang trọng quá, cháu cứ thấy ngưỡng ngưỡng thế nào ấy...

Bác trả lời tôi và mắt không rời màn ảnh nhỏ:

- Sao lại ngưỡng? Chúng ta còn nghèo nhưng dân tộc ta rất đáng tự hào, phải không cháu?

- Dạ. Tôi lúng túng và thấy mặt nóng bừng lên.

Cho mãi đến sau này, mỗi lần nghĩ lại, tôi vẫn còn thấy ân hận không hiểu tại sao lúc đó tôi lại nói với Bác điều ấy. Đánh rằng tôi chỉ thú nhận một tâm trạng có thật, nhưng cái đó đối với tôi cũng chỉ thoáng qua thôi, tại sao phải để Bác bận tâm vì một chuyện như thế? Khi ra về, thấy nét mặt Bác vẫn rất vui, tôi mới hơi yên lòng, nhưng tôi vẫn không thể tha thứ cho sự thiếu sót trên. Tôi đặt quyết tâm phải luôn luôn đình ninh nhớ lời Bác dạy, học tập lối sống giản dị và

đạo đức cách mạng lớn lao của Bác. Vì xét cho cùng, ý nghĩ trên của tôi chứng tỏ đã có lúc tôi muốn buông lỏng mình theo những cảm dỗ bề ngoài rất không đúng lúc. Lời nhắc nhở của Bác đã cho tôi một bài học vô cùng thấm thía.

Làm sao mỗi nhân vật thể hiện điều mang được nhịp đập hơi thở của thời đại, xứng đáng với miền Nam, với dân tộc ta anh hùng đang làm nên những năm tháng lịch sử này? Những lời căn dặn và sự săn sóc ân cần của Bác, lòng mong mỏi, hy sinh của ba má, của bạn bè... luôn luôn thôi thúc tôi.

Tôi muốn, bằng việc làm thực tế, bằng những nhân vật thể hiện, tôi gửi gắm vào đó tất cả những suy nghĩ nung nấu, lòng căm thù sâu sắc cũng như niềm yêu thương, mong nhớ vô hạn và cả những ước mơ cháy bỏng mà tôi hằng ấp ủ...

Tôi muốn, qua đó thưa với Bác lời quyết tâm và lòng biết ơn chân thành của tôi đến với Bác kính yêu.

Nguồn: baclieu.gov.vn

Câu chuyện về chiếc tàu thủy lô mang biệt hiệu T5 và tấm lòng của Bác

Năm 1965, tôi (Phan Trọng Tuệ) làm Chính ủy kiêm Tư lệnh đường mòn Hồ Chí Minh. Một hôm anh Vũ Kỳ gặp tôi và nói:

- Anh có phim tư liệu gì mới đem vào chiếu cho Bác xem.

Tôi đưa cuộn phim về giao thông vận tải, quay từ Hà Nội vào đến Vinh cho Bác xem. Bác xem phim rất chăm chú và hỏi thăm tình hình nhân dân trong đó.

Tôi báo cáo với Bác:

- Chúng cháu muốn đảm bảo giao thông phải dựa vào dân. Nhân dân nhiều khi phải phá cả nhà để lát đường cho xe qua.

Bác nói:

- Nhân dân không nhà không cửa thì ở vào đâu? Các cháu học hành thế nào?

Tôi thưa với Bác:

- Các cháu vẫn được học. Học dưới hầm. Giao thông vẫn có những chuyến xe đặc biệt chở dụng cụ học tập và sách vở cho học sinh.

Nghe tôi nói thế, Bác mới yên tâm và khen:

- Thế là tốt. Nếu chú có gặp các đồng chí trong đó, cho Bác gửi lời thăm đồng bào.

Bác vừa nói chuyện vừa suy nghĩ trầm tư, vẻ mặt Bác rất xúc động.

Tôi vào khu IV truyền đạt lời thăm hỏi của Bác cho các đồng chí trong đó, các đồng chí rất xúc động.

Bộ phim mang vào chiếu cho Bác xem có cảnh phá thủy lôi bằng kích thích. Cho ca nô chạy nhanh qua bãi thủy lôi. Thủy thủ lái ca nô mặc áo bảo vệ kèm phao bơi. Bác xem và hỏi:

- Mặc như thế kia thì cử động thế nào được?

Tôi báo cáo với Bác:

- Ca nô chạy nhanh, thủy lôi sẽ nổ, thủy thủ phải mặc như thế để đảm bảo an toàn.

Bác nghe xong, suy nghĩ một lát rồi nói:

- Các chú đó thật dũng cảm. Nhưng chú thử nghĩ xem

có phương pháp nào điều khiển ca nô chạy tự động qua bãi thủy lôi, chứ làm thế này nguy hiểm cho tính mạng của các chiến sĩ.

Tôi suy nghĩ rất nhiều về gợi ý của Bác. Sau đó tôi cho họp Hội đồng kỹ thuật, báo cáo lại ý kiến của Bác. Mọi người đều rất tán thành và đề nghị thiết kế tàu không người lái, điều khiển từ xa.

Sau đó một loại tàu mới có biệt hiệu là T5 ra đời, có người điều khiển từ xa để phá hủy thủy lôi. Đó là do bao công sức đóng góp của các anh em làm công tác kỹ thuật sáng chế.

Khi chiếc tàu này mới được chế tạo, chúng tôi cho mang lên Hồ Tây chạy thử. Lần chạy thử đó có mời đồng chí Tố Hữu đến xem. Nhờ chiếc tàu đó mà chúng tôi đã phá được rất nhiều thủy lôi, đảm bảo giao thông đường thủy thông suốt, lại không nguy hiểm đến tính mạng cho các chiến sĩ.

Lời phát biểu của Bác đã tác động đến anh em kỹ thuật, giúp họ suy nghĩ, phát huy sáng kiến và chế tạo ra chiếc tàu mang biệt hiệu T5.

Ngồi xem phim với Bác, Bác hỏi nhiều điều mà chúng tôi không lường hết được. Bác quan tâm đến mọi vấn đề. Bác muốn biết hết tất cả mọi việc.

Bác quan tâm đến công việc chung, nhưng cũng không quên những việc nhỏ, làm cho tôi rất cảm động. Tôi đưa

phim vào chiếu cho Bác xem. Sau đó Bác cho phép tôi mang vợ con vào thăm Bác. Tôi còn nhớ khi đó là đầu năm 1967.

Bác hỏi tôi:

- Chú đi vào trong kia bằng phương tiện gì?

Tôi báo cáo với Bác:

- Cháu đi bằng ô tô. Đoạn nào không đi được bằng ô tô thì đi xe đạp.

Bác nghe, rồi nói:

- Đi bằng ô tô hay đi bằng xe đạp cũng phải thật chú ý và cảnh giác vì máy bay Mỹ có thể bắn phá bất ngờ.

Trên đây là một số kỷ niệm về Bác mà tôi còn ghi nhớ. Những kỷ niệm này sẽ mãi mãi không bao giờ phai mờ trong ký ức của tôi.

Nguồn: “Kỷ niệm về Bác”, NXB Thống Kê, Hà Nội, 2005.

Đi thăm miếu Khổng Tử

Ngày 19-5-1965, nhân lúc đang thăm Trung Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến quê hương Khổng Tử. Hai giờ chiều, trong bộ quần áo lụa Hà Đông, Bác Hồ thông thả bước vào Khổng phủ trang nghiêm, cổ kính. Bác kể cho các cán bộ cùng đi: “Cho đến năm 1937, Khổng Đức Thanh là lớp con cháu đời thứ 77. Bố Khổng Tử có ba vợ. Khổng Tử là con vợ thứ ba. Khổng Tử lấy vợ sinh con là Khổng Lý... Đời Tống, Nguyên, Thanh đều góp của, góp công sửa sang Khổng phủ, Khổng miếu... Điều đó chứng tỏ học thuyết Khổng Tử từ lâu thành hệ tư tưởng chính thống, có sức sống qua nhiều thời đại. Chúng ta không gạt bỏ tất cả mà phải chọn lọc, tiếp thu những cái tốt đẹp nhất để làm giàu cho mình, cho con cháu mình...”. Đứng dưới gốc cổ thụ ở Khổng miếu nghe nói do chính tay Khổng Tử trồng cách đây 2.400 năm, Bác nói, giọng trầm lắng: “Khổng Tử là người chủ trương quyền bình đẳng về của cải và sự công bằng trong đời sống. Câu

“Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng” mà Bác trích là từ câu của Khổng Tử: “Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng. Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên. Đã công bằng thì không nghèo, đã hòa mục thì không thiếu, lòng dân đã yên thì không sợ nghiêng đổ”. Rồi Khổng miếu, sang Khổng Lâm, dạo bước dưới bóng cây cổ thụ, Bác Hồ lại tiếp tục nói chuyện. Bác nhắc đến chữ “nghĩa chiến” của Mạnh Tử trong sách “*Khổng học đặng*” chính là chiến tranh nhằm mục đích nhân nghĩa, Bác nói: “Khổng Tử thường nêu “dân vi bang bản” (dân là gốc của nước) hoặc “quốc dĩ dân vi bản” (nước lấy dân làm gốc)...”. Gần ba giờ vừa đi xem cảnh, vừa nói chuyện, đến năm giờ chiều, Bác cùng đoàn cán bộ lên xe lửa về Tế Nam. Ngồi trên tàu, nhìn nắng chiều nhạt dần trên triển núi mờ xa, Bác đọc bài thơ chữ Hán vừa làm: “*Thăm Khúc Phụ*”:

*“Mười chín tháng năm thăm Khúc Phụ
Miếu xưa vẫn dưới bóng tùng xưa
Uy quyền họ Khổng giờ đâu nhỉ?
Lấp lánh bia xưa, chút ánh tà”.*

Nguồn: “Một số lời dạy và mẫu chuyện về tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.

Thăm nhà máy dệt mới khánh thành

Ngày lễ Quốc tế Phụ nữ mừng 8-3-1965 còn là ngày hội của chị em phụ nữ công nhân Nhà máy dệt mồng 8 tháng 3, ngày nhà máy dệt lớn nhất nước ta lúc bấy giờ cắt băng khánh thành. Vinh dự cho chị em là trong ngày vui lớn lao đó Bác Hồ đã đến thăm nhà máy. Cần nói thêm là công nhân của nhà máy toàn là nữ. Thời kỳ đó, đế quốc Mỹ liều lĩnh mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, để đảm bảo an toàn, phòng máy bay Mỹ oanh tạc, lễ khánh thành nhà máy được ấn định vào 7 giờ tối.

Khoảng một giờ trưa, chẳng có ai dẫn lối, Bác đi thẳng đến khu nhà tập thể. Vào giờ này, người nào không bận làm ca kíp ở nhà máy thì đều đang giấc ngủ trưa. Bác đi xem xét nhà ăn, nhà trẻ, khu vệ sinh, hình như khá lâu mà không ai hay. Khi người ra bể nước công cộng, mấy chị em đang giặt giũ bên bể nước thấy Bác reo ầm lên: “Ồi Bác! Bác Hồ! Bác đến!”.

Ngay lập tức cửa các căn nhà mở toang, mọi người

cuống quýt chạy ra. Lúc này Bác đã tới đầu nhà A1, một trong mấy dãy nhà ở cao tầng mới xây dựng. Người đến mỗi lúc một đông, vòng trong vòng ngoài, ai cũng muốn được đến gần Bác, nhìn rõ Bác.

Đồng chí Bí thư chỉ bộ dẫn Bác lên kiểm tra tầng trên. Bác thoăn thoắt bước lên cầu thang, vừa lên đến tầng hai đã nhìn thấy cảnh nhà nhà đang lúi đúi thứ ra phơi phóng lộn xộn ngoài hành lang, nơi ban công. Bác vẫy mọi người lại, phê bình: Đây là khu tập thể của một nhà máy hiện đại. Nhà máy càng hiện đại công nhân càng phải gương mẫu trong sản xuất và trong việc gìn giữ vệ sinh trong công nghiệp và vệ sinh trong sinh hoạt. Có như thế mới có đủ sức khỏe để sản xuất tốt. Bác phê bình các cô các chú đều là người lớn cả mà ở rất bẩn. Các cô, các chú có hứa với Bác chú ý gìn giữ chỗ ăn ở luôn sạch sẽ, ngăn nắp không?

Mọi người đồng thanh đáp: “Có ạ!” rõ to. Lời đáp đồng dục đó như làm vơi đi sự không hài lòng do chính họ gây ra.

Trên đường dẫn Bác đến thăm các phân xưởng nhà máy sẽ làm lễ khánh thành tối hôm đó, Bác nói với đồng chí Bí thư Đảng ủy: Chắc các cô đang bận lo việc khánh thành nhà máy, lo sản xuất mà lãng quên việc chăm lo đời sống của công nhân, như thế là không được, nhất là ở cương vị người lãnh đạo cao một nhà máy lớn có hàng vạn công nhân nữ. Lo việc lớn nhưng không bỏ qua việc nhỏ, kể cả những nguyện vọng chính đáng của từng chị em.

Nguồn: bqllang.gov.vn

Biển cả do cái gì tạo nên?

Năm 1968, các ông Hà Huy Giáp, Lê Xuân Đồng, Phan Hiền được Bác Hồ mời đến trao đổi về việc biên soạn lại sách “Người tốt - Việc tốt”.

Bác chỉ chồng tài liệu cao gần nửa mét trên bàn và cho biết đó là những bài báo và báo cáo viết về hơn bốn nghìn người được Bác thưởng huy hiệu trong mấy năm qua. Bác đã sắp xếp lại thành 18 tập. Nếu kể cả tập thứ 19 đang làm dở dang thì số người được Bác khen đã lên tới năm nghìn.

Những tập tài liệu đều đóng bìa vở học sinh, giấy nền bên trong là giấy báo cũ. Những bài báo và báo cáo về Người tốt - Việc tốt được cắt dán cẩn thận trên giấy báo. Bài nào cũng mang bút tích của Bác bằng mực đỏ hoặc bút chì đỏ, ghi rõ tặng một hay mấy huy hiệu.

Bác nói đùa:

- Như thế là đã thành Bách khoa toàn thư rồi đấy. Từ

đó, các chú chọn ra những tấm gương nào cần viết lại trước và viết cho thật tốt, để mọi người có ý thức làm theo, và làm hơn thế.

Bác trao cho ông Giáp mấy tờ giấy đánh máy ghi rõ mỗi ngành, mỗi giới, mỗi địa phương có bao nhiêu người được khen thưởng. Bác phê bình một số cán bộ lãnh đạo mãi làm công tác sự vụ hơn là để tâm sức xây dựng con người mới..., cho nên không chịu theo dõi việc làm hàng ngày của quần chúng nhân dân... và hỏi:

- Hình như các chú cũng chưa coi trọng những việc nhỏ như thế?

Không đợi trả lời, Bác nói tiếp:

- Các chú có biết biển cả do cái gì tạo nên không? Từng giọt nước nhỏ thấm vào lòng đất, chảy về một hướng mới thành suối, thành sông, rồi thành biển. Một pho tượng hay một lâu đài cũng phải có cái nền mới đứng vững được. Nhưng người ta dễ nhìn thấy pho tượng và lâu đài mà không chú ý đến cái nền. Như thế thì chỉ thấy ngọn mà quên mất cái gốc.

Ngừng một lúc, Bác nói tiếp:

- Bác chỉ muốn nhắc nhở các chú một điều: Chớ bỏ qua những việc mà các chú tưởng là tầm thường. Nếu cứ ngồi kể lại những gương Người tốt - Việc tốt thì kể mãi cũng chẳng hết được. Tất cả những việc làm như vậy đều nói lên tinh thần yêu nước, đạo đức trong sáng, thuần phong mỹ

tục của nhân dân ta. Chúng ta đánh giặc và xây dựng mỹ tục của nhân dân ta. Chúng ta đánh giặc và xây dựng xã hội mới bằng những việc làm muôn hình muôn vẻ của hàng chục triệu con người như thế, chứ không phải chỉ bằng thành tích nổi bật của một số cá nhân anh hùng...

Nguồn: Trang tin ditichhochiminhphuchutich.gov.vn

Cuộc sống giản dị của Bác ở Phủ Chủ tịch

Mùa hè nóng lắm, Hà Nội là vào nơi nóng bậc nhất ở đồng bằng Bắc Bộ. Nhưng như đã nói, Bác không cho lắp máy điều hòa không khí. Còn quạt máy thì cho đến năm 78,79 tuổi, Bác vẫn không chịu dùng quạt trần và quạt để bàn.

Trong những năm ở Phủ Chủ tịch, Bác đã sống hàng ngày như thế nào?

Có một lẽ Bác không nói ra nhưng đây mới là lý do sâu xa trong lòng Bác. Số đông người Việt Nam ta ngày ấy chưa có quạt máy để dùng, cho nên từ trong lòng, Bác Hồ không muốn dùng quạt máy. Những ngày hè nóng nực nhất, Bác Hồ chỉ dùng quạt giấy và quạt nan thôi.

Đây là mùa hè. Còn về mùa đông, Bác Hồ có một cái áo bông của đồng bào biếu. Bác dùng nhiều năm rồi. Mới đầu bông xốp còn dày, ấm. Sau dùng mãi nó lép kẹp xuống

không ấm lắm nữa. Nhưng chưa ai dám nghĩ đến việc xin Bác bỏ cả mền bông đâu, chỉ nghĩ đến thay cái vỏ ngoài. Lúc đầu cái vỏ bằng vải mới, dần dần nó phai màu, đứt chỉ ở khuỷu tay và ở cổ. Bác bảo mại lại. Nó rách ở vai thì Bác bảo vá vai. Mùa rét tháng 2-1969, nó rách một miếng nữa ở vai, những đồng chí chuyên săn sóc sức khỏe của Bác nhân dịp ấy mới nhắc một đề nghị đã nhiều lần: Xin Bác cho thay vỏ ngoài, nó lại rách một lần thứ hai ở vai rồi. Đây là một người bạn chiến đấu mấy chục năm nay của Bác, cho nên Bác nói thẳng, thân tình lắm. Bác quay lại bảo đồng chí ấy thế này: “Này chú ạ, Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước mặc áo vá vai thế này là cái phúc cho dân đấy. Đừng bỏ cái phúc ấy đi”. Và nhất định Bác không cho thay cái vỏ mới. Bây giờ trong bảo tàng vẫn là cái áo bông vá vai như thế. Bác còn có lò sưởi điện. Bác có mấy cái, nhưng Bác lại càng ít dùng lò sưởi điện. Cũng vì lẽ không muốn phụ thuộc vào lò sưởi điện, và nhất là vì lẽ số đông người Việt Nam không có sưởi điện hàng ngày sưởi về mùa đông.

Ở đây cũng rõ một nét trong đời sống hàng ngày của Bác. Bất kỳ cái gì có tí lãng phí cũng quyết không để lãng phí. Nhưng đã cần thì dùng cho đủ mức cần.

Về việc tiết kiệm điện, không biết bao nhiêu lần, tự tay Bác tắt những cái đèn, cái quạt và cái đài đang tiêu điện mà không ai dùng cả. Ở nước ta thế mà khi ra nước ngoài cũng thế. Đi lướt qua một hành lang trên con đường đến nơi nào đó bạn tiếp khách hay trong nhà khách của bạn, thấy có một bóng đèn điện để đấy không cần là Bác tìm xem chỗ tắt bật

ở đâu, Bác tắt đi. Có đồng chí ở với Bác khá nhiều năm đã nói:

- Tất cả các năm mình ở với Bác, luôn luôn mình là cán bộ tắt đèn. Bác cứ thấy xa xa có những bóng đèn đang sáng, Bác bảo xem lại có ai ở đấy không, có cần để ánh sáng để bảo vệ không? Nếu không thì tắt đi.

Suốt thời gian 15 năm từ ngày về Hà Nội, Bác nhận một ô tô loại trung bình chứ không phải loại sang nhất và Bác cứ dùng thế mãi cho đến khi qua đời.

*Theo lời kể của đồng chí Việt Phương, nguyên thư ký
của Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng.*

*Nguồn: “Học tập tấm gương đạo đức Bác Hồ”,
Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2006, tr. 408-409.*

Năm ấy Bác Hồ không đi thăm rừng Cúc Phương

Các chiến sĩ và cán bộ Cục Hàng không đã đưa Bác đi công tác trên chiếc máy bay của nhân dân Liên Xô tặng mang biển số Mi-4 VN 50D. Trong các chuyến đi gần và ít người, các đồng chí đã đề nghị Bác dùng trực thăng như trong các chuyến đưa Bác đến Lạng Sơn, Tân Trào, Quảng Ninh...

Một lần Bác đi công tác Vĩnh Phú. Theo chương trình thì chiều là Bác đi ô-tô về Hà Nội. Nhưng lần ấy, tối mịt Bác mới ra về được. Anh em trong đoàn vừa lo đường sá, vừa sợ Bác mệt, nên xin điều một máy bay trực thăng để đưa Bác về. Trực thăng đỗ ở sân bóng đá Vĩnh Yên.

Tỉnh ủy thưa với Bác và đề nghị Bác lên “trực thăng” về Hà Nội.

Bác cảm ơn, rồi nói:

- Bác có ô-tô. Bác đi ô-tô thôi, Bác về Hà Nội bằng ô-tô. Chú nào đã điều máy bay lên thẳng thì chú ấy ra ngồi máy bay mà về...

Đầu năm 1969, sau khi nghe Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp báo cáo tình hình rừng cây bị phá hoại, phần thì bom đạn, phần thì dân đốt phá, dẫn làm gỗ, làm củi và “cứ đà này, vài năm nữa ta sẽ hoàn thành kế hoạch... tiêu diệt rừng”.

Nhân đó, Tổng Cục trưởng mời Bác vào thăm rừng Cúc Phương. Tuy sức không còn khỏe, nhưng Bác vui vẻ nhận lời và nói:

- Phải đi thăm hang người Việt cổ...

Bác đề nghị đồng chí Nguyễn Lương Bằng thu xếp cho chuyển đi.

Anh em đề nghị Bác không đi ô tô nữa mà đi bằng “trục thăng”.

Trước hết, Bác uốn nắn:

- Tại sao chú không gọi là “lên thăng” mà cứ là “trục thăng?”. “Trục thăng” hơn gì “lên thăng”?

- Bác đi ô tô. Các chú cứ cho rằng hễ là Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước đi đâu muốn “đi” gì cũng được à? Không phải thế đâu! Để Bác khỏe lên, Bác đi ô tô đến thăm Cúc Phương. Đi máy bay lên thăng thì thôi, chờ dịp khác. Máy bay lên thăng để dành khi nào có đồng bào bị tai nạn, bị đau nặng ở vùng rừng núi hẻo lánh khó chạy chữa thì đưa đồng bào nhanh chóng vào bệnh viện. Hay khi mưa bão, lụt lội cần hộ đê, cứu dân, thì dùng.

Lần ấy chỉ vì không chịu “đi” máy bay lên thẳng mà Bác không đến được Cúc Phương, mãi mãi anh chị em công nhân, cán bộ trông nom rừng Cúc Phương không đón được Bác để Bác thực hiện một điều mong ước nhỏ.

Ngày nay, trong rừng Cúc Phương vẫn còn có cái thang của công nhân, cán bộ làm để Bác leo lên thăm hang người Việt cổ. Cái thang ấy không được in dấu chân Bác, và ngày ngày nhìn vào thang anh chị em càng thương nhớ Bác.

Họ đặt tên cho cái thang ấy là “Cái thang thương nhớ”.

Nguồn: Báo Nhân dân điện tử, ngày 18/9/2010.

Bác không đồng ý với Nghị quyết của Bộ Chính trị về tổ chức kỷ niệm ngày sinh của Người

Câu chuyện sau đây do đồng chí Nguyễn Văn Lương, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng kể lại.

Năm 1969, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về việc tổ chức bốn ngày kỷ niệm lớn: Kỷ niệm lần thứ 40 Ngày thành lập Đảng ta, kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Lenin, mừng thọ Hồ Chủ tịch 80 tuổi và kỷ niệm lần thứ 25 Ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Để giữ gìn sức khỏe của Bác, Bộ Chính trị đề nghị: Khi bàn những việc quan trọng của Đảng và Nhà nước thì mời Bác chủ trì, còn khi bàn những việc thứ yếu thì cứ bàn rồi báo cáo lại. Bác cũng đồng ý như vậy. Khi Bộ Chính trị bàn việc tổ chức kỷ niệm bốn ngày lễ lớn thì Bác không dự. Nghị quyết đó ra từ tháng 4. Đến ngày 8-7 thì đăng trên báo Nhân Dân. Mọi việc lớn

hay nhỏ, khi Bộ Chính trị đã bàn xong đều báo cáo lại. Riêng việc này, các đồng chí cũng ngại rằng nếu Bác biết thì thế nào cũng không để tổ chức kỷ niệm ngày sinh của mình.

Hôm đó, đọc báo xong, Bác mời các đồng chí trong Bộ Chính trị vào, Bác chỉ vào tờ báo Nhân Dân để trên bàn và hỏi: Nghị quyết này các chú bàn bao giờ mà tại sao không cho Bác biết? Bác nói đại ý: Tất cả các nghị quyết của Đảng đều do Bộ Chính trị quyết định tập thể. Gần đây, Bác mệt, có một số cuộc họp không dự được. Đó là khuyết điểm của Bác. Khi đọc nghị quyết đăng trên báo, Bác tán thành nhiều điểm. Chỉ có việc riêng của Bác, Bác không đồng ý. Ai cũng biết Bác là Chủ tịch Đảng ta. Đọc nghị quyết này, người ta sẽ nghĩ rằng Bác chủ trì phiên họp Bộ Chính trị để bàn việc tổ chức lễ kỷ niệm ngày sinh của mình cho linh đình. Thế là không đúng. Bác ngừng một lúc, giở tờ báo, chỉ tay vào một đoạn trong nghị quyết và nói: Lênin là bậc thầy của cách mạng thế giới. Bác chỉ là học trò của Lênin? Sao các chú lại đặt việc riêng của Bác ngang với những việc lớn của Đảng và Nhà nước? Bác lại chỉ tay vào một đoạn nữa trong nghị quyết và hỏi các đồng chí trong Bộ Chính trị: Sao các chú cho in sách của Bác nhiều thế? Bây giờ nước nhà còn thiếu thốn, sách học, giấy học cho các cháu còn thiếu, thế mà sách báo của ta, kể cả sách của Bác, thì in lu bù. Nên bớt đi, cái gì cần lắm hãy in, để giấy cho các cháu học. Nói xong, Bác lại lấy ngón tay dò dò trên tờ báo. Thì ra vẫn chưa hết! Chỉ tay vào một chỗ trong nghị quyết, ghi việc xây dựng và tu bổ những nhà bảo tàng, nhà lưu niệm của những địa phương cơ

sở cách mạng Bác nói: việc này cũng cần thiết, nhưng Bác nghĩ nước ta đang có chiến tranh, nhà cửa của nhân dân bị tàn phá nặng nề, chúng ta nên để dành vật liệu trước hết xây dựng nhà ở cho nhân dân, trường học cho các cháu và nhà giữ trẻ. Khi đời sống nhân dân sung túc, lúc đó ta hãy xây dựng bảo tàng này, bảo tàng nọ.

Từ một nghị quyết của Bộ Chính trị, Bác chỉ ra nhiều bài học rất thấm thía. Bác rất khiêm tốn, không muốn đề cao cá nhân mình, lúc nào Người cũng chỉ nhận mình là học trò của Lênin vĩ đại. Mỗi việc làm của Bác đều vì dân vì nước. Ngay cả đến khi sắp từ biệt thế giới này, Bác vẫn còn căn dặn: “Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức diễu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân”.

Nhớ Bác, chúng ta nhớ những lời Bác dạy. Mọi chính sách, nghị quyết của Đảng và Nhà nước đều xuất phát từ điều kiện thực tế của đất nước, và luôn đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết.

*Nguồn: “Bác Hồ sống mãi với chúng ta”,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.*

Những khách “đặc biệt” của Bác Hồ

Vào một buổi sáng mùa thu tháng tám năm 1990, trong đoàn người kéo dài vô tận vào thăm nhà sàn, nơi Bác Hồ kính yêu đã từng sống và làm việc, có hai cha con người Pháp. Người phụ nữ ngoài 50 tuổi, gương mặt sáng, nụ cười tươi tắn, dáng người mảnh mai, đi bên người cha có gương mặt đôn hậu, chất phác. Đó là hai cha con ông Ô-brắc (Aubrac), một gia đình người Pháp có nhiều kỷ niệm sâu sắc với Bác Hồ. Người phụ nữ mảnh mai kia là Ê-li-da-bét (Elizabeth), người con gái đỡ đầu của Bác Hồ. Đi cùng với dòng người ngắm nhìn vườn cây ao cá, dừng chân hồi lâu bên nhà sàn, ông Ô-brắc bảo với con gái của mình:

- Đây là toàn bộ gia tài của người cha đỡ đầu của con đó, con có hiểu không con?

Những giọt lệ lăn trên má chị. Chẳng lẽ Bác Hồ – người cha đỡ đầu của chị không có một cái gì khác ngoài căn nhà sàn đã đi vào huyền thoại về lối sống trong sáng, giản

dị, vườn cây ao cá và thiên nhiên xanh ngắt quanh mình. Điều khó tin nhưng có thật. Mới đó mà đã 54 năm trời. Biết bao kỷ niệm về Bác Hồ kính yêu không bao giờ phai mờ, nhặt nhòa trong ký ức của mỗi thành viên trong gia đình chị. Nhìn những em bé như bầy chim non vào Lăng viếng Người, chị càng hiểu sâu sắc câu nói không chỉ ở Việt Nam, mà ở khắp mọi nơi trên trái đất, nơi Bác Hồ đã từng đến, ai ai cũng thuộc:

“Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh”.

... Ngày ấy, khi chị mới ra đời trong một nhà hộ sinh ở một làng thuộc ngoại ô Paris. Lúc bấy giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đang có mặt trên đất Pháp với tư cách là một thượng khách của Chính phủ Pháp. Báo chí xuất bản ở Thủ đô Paris hoa lệ đều trang trọng in trên đầu trang nhất bức chân dung của Bác Hồ với những hàng tít lớn trang trọng.

Hội nghị Phông-ten-nơ-blô (Fontainebleau) đang họp, Bác Hồ là thượng khách, tâm trí Người luôn hướng tới việc giành lại nền hòa bình, độc lập cho dân tộc, vấn đề Nam Bộ “là máu thịt của Việt Nam”. Ở trong tòa lâu đài sang trọng, Bác Hồ cảm thấy không thoải mái vì không có vườn cây, thiếu hoa lá, thiên nhiên. Khi ông Ô-brắc đề nghị Bác đến ở tại ngôi nhà cổ kính của ông ở ngoại vi Paris, Bác Hồ đã nhận lời dọn đến ở 6 tuần lễ.

Nơi đây, cứ chiều chiều sau giờ hội đàm, gặp gỡ với các chính khách, Bác Hồ thường dắt cháu Giăng Pi-e (Jean Pierre), bảy tuổi, con trai đầu lòng của ông bà Ô-brắc chủ

nhà, đi dạo chơi khắp làng, thăm hỏi đời sống của bà con lao động, nói chuyện với ông lão trồng hoa, vui đùa với các em bé vùng ngoại ô. Có buổi trưa, ông Ô-brắc còn thấy Bác Hồ đang cùng con trai ông, Giăng Pi-e nghỉ trưa thanh thản trên bãi cỏ trong vườn.

Chính trong dịp này, vào ngày 15/8/1946, gia đình ông Ô-brắc đón một tin vui mới: cô con gái út vừa chào đời. Được tin này, Bác Hồ ngồi trên xe có hộ tống đến tận nhà hộ sinh chúc mừng bà Ô-brắc và cháu bé mới sinh. Bác Hồ đặt tên cho cháu bé là Ba-bét (Babette) và nhận cháu làm con gái đỡ đầu của Người.

Từ ngày xa Paris, xa vùng ngoại vi Pa-ri trở về nước, dù bận trăm công ngàn việc, lãnh đạo nhân dân Việt Nam trong công cuộc trường kỳ kháng chiến và những năm hòa bình ở miền Bắc cũng như cuộc đấu tranh chống Mỹ giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Bác Hồ vẫn luôn dành tình cảm của mình cho con gái đỡ đầu Ba-bét. Tháng 6/1967, ông Ô-brắc được Hội đồng các nhà bác học thế giới họp ở Pa-ri nhờ chuyển đến Chủ tịch Hồ Chí Minh một bức thông điệp. Gặp lại ông Ô-brắc giữa những ngày Hà Nội đang chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, Bác Hồ rất vui và không quên hỏi thăm về người con gái đỡ đầu Ba-bét của mình. Ông Ô-brắc chuyển cho Người món quà mà chị Ba-bét nhờ gửi đến cha đỡ đầu: một chiếc hộp vuông bên trong đựng một quả trứng được làm từ đá quý. Theo chị cho biết thì “quả trứng đó là biểu hiện của sự sống, tương lai và hoàn hảo. Cha đỡ đầu là

hiện thân của những điều đó”. Khi chia tay, Bác Hồ gửi một tấm lụa nhờ ông Ô-brắc chuyển cho “con gái đỡ đầu của tôi để cháu may áo cưới”.

Hàng năm chị Ba-bet vẫn gửi thư đều cho Bác Hồ. Ngày Bác qua đời, cũng như toàn thể nhân dân Việt Nam và nhân loại yêu chuộng hòa bình, cả gia đình ông Ô-brắc vô cùng thương tiếc Người. Bao nhiêu kỷ niệm, những món quà Bác gửi cho chị Ba-bét vẫn còn đó; bức ảnh nhỏ của Người, các con vật dễ thương bằng ngà, bằng sứ, tấm lụa Bác gửi để chị may áo cưới... vẫn còn đây. Và lần này, chị được sang thăm đất nước, thăm nơi ở, nơi làm việc của người cha “đỡ đầu về tinh thần” của mình...

Khi nghe chị thuyết minh nói rằng hai hàng ghế đá và bể cá vàng là nơi Bác Hồ thường dùng để tiếp khách tí hon, “khách đặc biệt” của mình, chị Ba-bét nước mắt tuôn trào. Chị lặng lẽ ngồi xuống tấm ghế đá mát lạnh, mắt nhìn những con cá vàng tung tăng bơi lội trong bể, thả lòng mình trong những hoài niệm không bao giờ quên về Người. Tình thương bao la của Bác vẫn dành cho tất cả mọi người, đặc biệt nhất vẫn là những em nhỏ “như búp trên cành”. Chị Ba-bét cũng là một trong những “cháu bé” ngày nào đã được sưởi ấm bằng “muôn vàn tình thương yêu của Bác”.

*Nguồn: “Hồ Chí Minh bên Người tỏa sáng”,
NXB Thanh niên, Hà Nội, 1977.*